

CHƯƠNG 1:

KHÁI NIỆM ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Nhận thức của Đảng ta về tư tưởng Hồ Chí Minh đã trải qua quá trình lâu dài. Đại hội VII (1991) của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu cột mốc quan trọng trong nhận thức của Đảng về tư tưởng Hồ Chí Minh. Lần đầu tiên văn kiện Đại hội Đảng định nghĩa: “Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc”¹.

Kể từ Đại hội VII, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu và đã đạt được những kết quả quan trọng, khẳng định và làm rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc trong tiến trình lịch sử. Trên cơ sở đó, trong các Đại hội tiếp theo của Đảng, khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được xác định một cách toàn diện và có hệ thống. Đại hội XI (2011) định nghĩa như sau: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”².

Khái niệm trên đây chỉ rõ nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ sở hình thành cũng như ý nghĩa của tư tưởng đó. Cụ thể:

Một là, khái niệm này đã nêu rõ bản chất khoa học và cách mạng cũng như nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ đó phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hai là, nêu lên cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin, giá trị cơ bản nhất trong quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng đó, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

Ba là, khẳng định giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.127

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.88.

Minh là một bộ phận cấu thành làm nên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm hệ thống các quan điểm, quan niệm, lý luận về cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của thời đại mới mà cốt lõi là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Hệ thống quan điểm đó của Hồ Chí Minh phản ánh trong những bài nói, bài viết của Người, trong hoạt động cách mạng và trong cuộc sống hằng ngày của Người. Đó là những vấn đề lý luận và thực tiễn được rút ra từ cuộc đời hoạt động rất phong phú ở cả trong nước và trên thế giới của Hồ Chí Minh phân đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Đối tượng của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là bản thân hệ thống các quan điểm, lý luận được thể hiện trong toàn bộ di sản Hồ Chí Minh mà còn là quá trình vận động, hiện thực hóa các quan điểm, lý luận đó trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Môn học có nhiệm vụ đi sâu, nghiên cứu, làm rõ các nội dung sau: cơ sở (khách quan và chủ quan) hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm khẳng định sự ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu để giải đáp các vấn đề lịch sử dân tộc đặt ra; các giai đoạn hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh; vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; quá trình quán triệt, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng của Đảng và Nhà nước ta và các giá trị tư tưởng lý luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

1.3.1. Cơ sở phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

Việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh phải dựa trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học chủ nghĩa Mác - Lênin và các quan điểm có giá trị phương pháp luận của Hồ Chí Minh.

Thông nhất tính đảng và tính khoa học

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh phải đứng trên lập trường, quan điểm, phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lênin và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm tính khách quan khi phân tích, lý giải và đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh, tránh việc áp đặt, cường điệu hóa hoặc hiện đại hóa tư tưởng của Người.

Thông nhất lý luận và thực tiễn

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải quán triệt quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành, phải biết vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống, thực tiễn, phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của đất nước.

Quan điểm lịch sử - cụ thể

Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh nên xem xét một hiện tượng nhất định phải gắn với hoàn cảnh lịch sử - cụ thể. Từ đó giúp chúng ta nhận thức đúng đắn bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh.

Quan điểm toàn diện và hệ thống

Khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trên bình diện tổng thể hay từng bộ phận là phải luôn luôn quán triệt mối liên hệ qua lại của các yếu tố, các nội dung khác nhau trong hệ thống tư tưởng đó và phải lấy hạt nhân cốt lõi là tư tưởng độc lập, tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Quan điểm kế thừa và phát triển

Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi không chỉ biết kế thừa, vận dụng mà còn phải biết phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong điều kiện lịch sử mới, trong bối cảnh cụ thể của đất nước và quốc tế.

1.3.2. Một số phương pháp cụ thể

Phương pháp logic, phương pháp lịch sử và kết hợp hai phương pháp này. Phương pháp logic nghiên cứu một cách tổng quát nhằm tìm ra được bản chất vốn có của sự vật, hiện tượng và khái quát thành lý luận. Phương pháp lịch sử nghiên cứu sự vật và hiện tượng theo trình tự thời gian, quá trình diễn biến đi từ phát sinh, phát triển đến hệ quả của nó.

Phương pháp phân tích văn bản kết hợp với nghiên cứu hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Sử dụng phương pháp liên ngành khoa học xã hội - nhân văn, lý luận chính trị để nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong nghiên cứu hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay, các phương pháp cụ thể thường được áp dụng có hiệu quả là: Phân tích, tổng hợp, so sánh đối chiếu, thống kê trắc lượng, văn bản học, điều tra điền dã, phỏng vấn nhân chứng lịch sử... Tuy nhiên việc vận dụng và kết hợp các phương pháp cụ thể phải căn cứ vào nội dung nghiên cứu.

1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

1.4.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận

Việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh làm cho sinh viên nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đời sống cách mạng Việt Nam.

Việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh còn bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên, thanh niên lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tinh cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước

Thông qua việc nghiên cứu, học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên sẽ nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định ý thức và trách nhiệm công dân của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện bản thân mình theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng của đất nước, vững bước trên con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

Qua nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, người học có điều kiện vận dụng tốt hơn những kiến thức và kỹ năng đã nghiên cứu, học tập vào việc xây dựng phương pháp học tập, tu dưỡng, rèn luyện phù hợp với điều kiện cụ thể của từng người, từng địa bàn. Người học có thể vận dụng xây dựng phong cách tư duy, phong cách diễn đạt, phong cách làm việc, phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt, v.v. phù hợp với điều kiện cụ thể.

Tư tưởng Hồ Chí Minh có tác dụng góp phần tích cực trong việc giáo dục thế hệ trẻ tiếp tục hình thành và hoàn thiện nhân cách, trở thành những chiến sĩ tiên phong trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần làm cho đất nước ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

Câu 1. Hãy phân tích khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh.

Câu 2. Hãy chứng minh rằng tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta.

Câu 3. Hãy phân tích đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.

Câu 4. Tại sao sinh viên phải học tập tư tưởng Hồ Chí Minh? Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta phải học những gì?

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Cơ sở thực tiễn

a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Sau khi thực dân Pháp xâm lược (1858) và với việc ký kết hiệp định Patonôt (1884) Việt Nam trở thành một quốc gia thuộc địa nửa phong kiến. Trong bối cảnh đó, xã hội xuất hiện hai mâu thuẫn cơ bản: một là, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và tay sai; hai là, mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến. Để giải quyết mâu thuẫn khách quan đó, nhiều sĩ phu yêu nước đã đứng lên tập hợp quần chúng chống lại thực dân Pháp xâm lược, nhưng cuối cùng đều chưa giành được thắng lợi. Sự thất bại của phong trào chống Pháp như cuộc khởi nghĩa của: Trương Định; Nguyễn Trung Trực; Phan Đình Phùng; Nguyễn Thiện Thuật; Đinh Công Tráng; Hoàng Hoa Thám, cho thấy sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trước nhiệm vụ lịch sử của dân tộc.

Sự thất bại của các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản với sự dẫn dắt của các sĩ phu yêu nước có tinh thần cải cách như Phong trào Đông Du Phan Bội Châu khởi xướng (1905-1909); Phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh phát động năm 1906 đến năm 1908; Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương văn Can, Nguyễn Quyền và một số nhân sĩ khác phát động từ tháng 3-1907 đến tháng 11- 1907,...mà nguyên nhân trực tiếp là các tổ chức và người lãnh đạo của các phong trào đó chưa có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn dẫn đến cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước diễn ra sâu sắc. Chính điều đó đã thúc đẩy Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước mới cho dân tộc Việt Nam.

b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản trên thế giới đã phát triển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc và xác lập sự thống trị trên phạm vi toàn thế giới. Vì vậy, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không còn là hành động riêng lẻ, mà đã trở thành cuộc đấu tranh chung của các dân tộc thuộc địa chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản quốc tế. Cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã lật đổ được tư sản và giai cấp phong kiến địa chủ, lập nên một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa, mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức và cả loài người tiến sang thời đại mới, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới. Sự kiện này đã giúp Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh nhận ra một chân lý của thời đại: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.

2.1.2. Cơ sở lý luận

a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

Trong hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã xây dựng được một nền văn hóa riêng, phong phú, với nhiều truyền thống tốt đẹp:

Chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước. Yêu nước trở thành tư tưởng, tình cảm thấm sâu và lẽ sống người Việt. Nó là dòng chủ lưu chảy xuyên suốt lịch sử Việt Nam, là chuẩn mực cao nhất, đứng đầu bảng giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh đã tiếp thu sâu sắc truyền thống yêu nước đó và khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết tinh thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.

Truyền thống đoàn kết cộng đồng, tương thân, tương ái “lá lành đùm lá rách” trong hoạn nạn, khó khăn.

Tinh thần lạc quan, yêu đời: trong muôn nguy, ngàn khó, mọi người vẫn động viên nhau: “Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo”. Tinh thần đó có cơ sở từ niềm tin và sức mạnh của bản thân mình, và sự tất thắng của chân lý, chính nghĩa. Hồ Chí Minh chính là hiện thân của truyền thống lạc quan đó.

Tinh thần cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo trong sản xuất và chiến đấu. Là một dân tộc có truyền thống hiếu học, có tinh thần cầu thị, sẵn sàng tiếp biến, đón nhận những tinh hoa văn hóa thế giới làm giàu thêm cho nền văn hóa của dân tộc mình.

Chính truyền thống văn hóa Việt Nam, nổi bật là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái, cố kết dân tộc là cơ sở lý luận quan trọng hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

b. Tinh hoa văn hóa nhân loại

Trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã được trang bị và hấp thụ nền Quốc học và Hán học khá vững vàng, chắc chắn. Trên hành trình cứu nước, Người đã tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vốn sống, vốn kinh nghiệm để làm giàu tri thức của mình và phục vụ cho cách mạng Việt Nam.

Tinh hoa văn hóa phương Đông

Văn hóa phương Đông: Người đã tiếp thu tư tưởng của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và những tư tưởng tiến bộ khác.

Nho giáo nói chung và *Khổng giáo* nói riêng là khoa học về đạo đức và phép ứng xử, tư tưởng triết lý hành động, lý tưởng về một xã hội bình trị. Đặc biệt Nho giáo đề cao văn hoá, lễ giáo và cổ vũ tinh thần hiếu học. Đây là tư tưởng tiến bộ hơn hẳn so với các học thuyết cổ đại. Hồ Chí Minh đã chịu ảnh hưởng của Nho giáo rất nhiều dựa trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng phê phán Nho giáo có tư tưởng tiêu cực như bảo vệ chế độ phong kiến,

phân chia đẳng cấp - quân tử và tiểu nhân, trọng nam khinh nữ, chỉ đề cao nghề đọc sách...

Phật giáo vào Việt Nam từ sớm và có ảnh hưởng rất mạnh đối với Việt Nam. Phật giáo có tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái. Phật giáo có tư tưởng bình đẳng, dân chủ hơn so với Nho giáo. Phật giáo cũng đề cao nếp sống đạo đức, trong sạch, chăm làm điều thiện, coi trọng lao động. Phật giáo vào Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa yêu nước đã sống gắn bó với nhân dân, hoà vào cộng đồng chống kẻ thù chung của dân tộc là chủ nghĩa thực dân. Trong thư gửi Hội Phật tử năm 1947, Hồ Chí Minh viết: “Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma. Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ”¹. Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển những tư tưởng nhân bản, đạo đức tích cực trong Phật giáo vào việc xây dựng xã hội mới, con người mới Việt Nam hiện nay.

Lão giáo, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển tư tưởng của Lão Tử, khuyên con người nên sống gắn bó với thiên nhiên, hoà đồng với thiên nhiên, hơn nữa phải biết bảo vệ môi trường sống. Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân ta trồng cây, tổ chức “Tết trồng cây” để bảo vệ môi trường sinh thái cho chính cuộc sống của con người. Hồ Chí Minh chú ý kế thừa phát triển tư tưởng thoát mọi ràng buộc của vòng danh lợi trong Lão giáo. Người khuyên cán bộ, đảng viên ít lòng tham muốn về vật chất. Thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Hành động theo đạo lý với ý nghĩa là hành động đúng với quy luật tự nhiên, xã hội.

Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn chú ý kế thừa, phát triển nhiều ý tưởng của các trường phái khác nhau trong các nhà tư tưởng phương Đông cổ đại khác như Mặc Tử, Hàn Phi Tử,... Hồ Chí Minh cũng chú ý tìm hiểu những trào lưu tư tưởng tiến bộ thời cận hiện đại ở Ấn Độ, Trung Quốc như chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn vì Người tìm thấy những điều phù hợp với điều kiện của cách mạng nước ta. Hồ Chí Minh đã biết khai thác những yếu tố tích cực của tư tưởng văn hoá phương Đông để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Tinh hoa văn hóa phương Tây

Ngay từ khi còn học ở Trường tiểu học Pháp-bản xứ ở thành phố Vinh (1905), Hồ Chí Minh đã quan tâm tới những khẩu hiệu nổi tiếng của cách mạng tư sản Pháp 1789: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Đi sang phương Tây, Người chú ý tìm hiểu những khẩu hiệu nổi tiếng đó trong các cuộc cách mạng tư sản ở Anh, Pháp, Mỹ. Người đã kế thừa, phát triển những quan điểm tư tưởng tự do, bình đẳng trong Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền Pháp; tư tưởng dân chủ, về quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc trong Tuyên ngôn độc lập của Mỹ, đề xuất quan điểm về quyền mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc trong thời đại ngày nay. Bên cạnh đó, Người cũng tiếp thu tư tưởng của những nhà Khai sáng

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr 228.

phương Tây như Vonte, Rutxô, Môngtétxkiơ, ...

Qua nghiên cứu sâu rộng tư tưởng, văn hoá cổ kim Đông Tây, Hồ Chí Minh lựa chọn chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng của mình, trở thành người cộng sản theo kiểu Lenin mong muốn: “Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra”. Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản trên cơ sở hiểu biết sâu sắc kho tàng tri thức của nhân loại từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây. Nói về việc đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêxu có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêxu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải đã có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn “mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội”. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm học trò nhỏ của các vị ấy”¹.

c. Chủ nghĩa Mác-Lênin

Là cơ sở lý luận quyết định bước phát triển mới về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp Người vượt lên phía trước so với những người yêu nước nổi tiếng nhất đương thời. Hồ Chí Minh khẳng định: ngày nay học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa Mác-Lênin là cách mạng nhất, khoa học nhất. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã giải quyết được cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước và người lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nói lên nỗi niềm sung sướng khi tìm thấy con đường cứu nước, cứu dân ở chủ nghĩa Mác-Lênin, qua đọc tác phẩm của Lenin, Hồ Chí Minh kể lại: “Luận cương của Lenin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”².

Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác-Lênin là thế giới quan, phương pháp luận trong nhận thức và hoạt động cách mạng. Trên cơ sở lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã triệt để kế thừa, đổi mới, phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tinh hoa văn hóa nhân loại kết hợp với thực tiễn cách mạng trong nước và thế giới hình thành lên một hệ thống các quan điểm cơ bản, toàn diện về cách mạng Việt Nam. Tổng kết kinh nghiệm thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định rõ: “Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không phải chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lenin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì

¹ Trương Niệm Thúc (1949), *Hồ Chí Minh truyện*, Nxb. Tam Liên, Thượng Hải, (Bản Trung văn dịch tiếng Việt của Đảng Nghiệm Vạn tr 41,42)

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.289.

thay thế được là chủ nghĩa Mác – Lênin”. Chủ nghĩa Mác – Lênin chính là tiền đề lý luận quan trọng nhất, có vai trò quyết định trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh không chỉ là sự vận dụng sáng tạo, mà còn là sự bổ sung, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới.

2.2.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

a. Phẩm chất Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh là người có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, giàu tính phê phán, đổi mới và cách mạng; Người đã vận dụng đúng quy luật chung của xã hội loài người, của cách mạng thế giới vào hoàn cảnh riêng, cụ thể của Việt Nam, đề xuất tư tưởng, đường lối cách mạng mới đáp ứng đúng đòi hỏi thực tiễn; có năng lực tổ chức biến tư tưởng, đường lối thành hiện thực.

Hồ Chí Minh là người có tầm nhìn chiến lược, bao quát thời đại, có khả năng tổng kết thực tiễn, dự báo tương lai chính xác và kỳ diệu để dẫn dắt toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đi tới bến bờ thắng lợi vinh quang.

b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận

Hồ Chí Minh là người có vốn sống và thực tiễn cách mạng phong phú, phi thường. Trước khi trở thành Chủ tịch nước, Người đã sống, học tập, hoạt động, công tác ở gần 30 nước trên thế giới. Người hiểu sâu sắc chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và chế độ thực dân không chỉ qua tìm hiểu trên các loại tài liệu, sách, báo, đài mà còn hiểu biết sâu sắc về chúng qua đã sống và hoạt động thực tiễn tại các cường quốc đế quốc như Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Ý, Nhật, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha,... Người đặc biệt hiểu thấu bản chất, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, thực dân và tình cảnh người dân ở nhiều nước thuộc hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ latin.

Người thấu hiểu về phong trào giải phóng dân tộc, về xây dựng chủ nghĩa xã hội, về xây dựng Đảng,...không chỉ qua nghiên cứu lý luận mà còn qua việc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp, qua hoạt động trong Đảng cộng sản Trung Quốc, qua tham gia phong trào cộng sản quốc tế ở nhiều nước, qua nghiên cứu đời sống xã hội ở Liên Xô nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới,...

Hồ Chí Minh là nhà tổ chức vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Người đã sáng lập ra các tổ chức chính trị xã hội có vai trò là những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam như: Đảng Cộng sản Việt Nam (1930); Mặt trận Việt Minh (1941); Quân đội nhân dân Việt Nam (1944); Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945), ...

Những phẩm chất cá nhân của một thiên tài cùng những hoạt động thực tiễn phong phú, phi thường trên nhiều lĩnh vực khác nhau ở trong nước và trên thế giới là nhân tố chủ quan hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới

Nghe An - quê hương Hồ Chí Minh, từ xa xưa đã nổi tiếng là vùng đất địa

linh nhân kiệt, giàu truyền thống yêu nước, lắm nhân tài và anh hùng yêu nước nổi tiếng trong lịch sử dân tộc như: Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Trần Tấn, Đặng Như Mai, Phan Bội Châu, ...

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình khoa bảng, chịu ảnh hưởng nhiều bởi cha của mình là cụ Nguyễn Sinh Sắc. Nguyễn Sinh Sắc thường răn dạy các con của mình: “Vật dĩ quan gia vi ngô phong dạng”, nghĩa là đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình. Tinh thần yêu nước, thương dân và nhân cách của ông Nguyễn Sinh Sắc có ảnh hưởng lớn lao đến tư tưởng, nhân cách Hồ Chí Minh thuở thiếu thời. Hồ Chí Minh cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc tình cảm của người mẹ, bà Hoàng Thị Loan. Bà là điển hình của người phụ nữ Việt Nam về tính cần mẫn, tần tảo, đảm đang, hết mực thương yêu chồng, thương yêu các con và ăn ở nhân đức với mọi người, được bà con láng giềng hết lòng mến phục.

Tiếp thu truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình, được theo học các vị túc nho và tiếp xúc với nhiều loại sách báo tiến bộ ở các trường, lớp ở thành phố Vinh, ở thành phố Huế, hiểu rõ tình cảnh nước nhà bị giặc ngoại xâm đô hộ, Hồ Chí Minh sớm có tinh thần yêu nước và thể hiện rõ tinh thần yêu nước trong hành động. Năm 1908, Người tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ. Năm 1910, là thầy giáo ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết. Khi dạy học cũng như trong sinh hoạt, Người thường đem hết nhiệt tình truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những suy nghĩ về vận mệnh đất nước.

Điểm đặc biệt của tuổi trẻ Hồ Chí Minh là sự suy ngẫm sâu sắc về Tổ quốc và thời cuộc. Tuy rất khâm phục tinh thần yêu nước của các vị tiền bối cách mạng nổi tiếng như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hoàng Hoa Thám, nhưng sáng suốt phê phán, không tán thành, không đi theo các phương pháp, khuynh hướng cứu nước của các vị. Người muốn tìm hiểu những gì ẩn giấu sau sức mạnh của kẻ thù và học hỏi kinh nghiệm cách mạng trên thế giới. Ngày 5/6/1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đi ra thế giới với 2 bàn tay lao động tự kiếm sống, học hỏi, tìm phương hướng cứu nước, cứu dân.

2.2.2. Thời kỳ 1911-1920: hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

Đây là thời kỳ ở Hồ Chí Minh đã có sự chuyển biến vượt bậc về tư tưởng, từ giác ngộ chủ nghĩa dân tộc tiến lên giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, từ một chiến sĩ chống thực dân phát triển thành một chiến sĩ cộng sản Việt Nam.

Từ 1911 đến 1917, Hồ Chí Minh đến các nước Pháp, I-ta-li-a, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Xênegan, Mỹ, Anh,... Qua cuộc hành trình này, ở Người hình thành một nhận thức mới: Giai cấp công nhân, nhân dân lao động các nước đều bị bóc lột có thể là bạn của nhau. Còn chủ nghĩa đế quốc, bọn thực dân ở đâu cũng là kẻ bóc lột, là kẻ thù của nhân dân lao động.

Năm 1917 về Pháp, Hồ Chí Minh tham gia phong trào công nhân Pháp, bắt đầu đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

Năm 1919, Hồ Chí Minh gia nhập Đảng Xã hội của giai cấp công nhân

Pháp. Bởi theo Người đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nhân dân Việt Nam, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của đại cách mạng Pháp: Tự do, bình đẳng, bác ái.

Ngày 18-6-1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, Hồ Chí Minh gửi *Yêu sách của nhân dân An Nam* tới Hội nghị Véc Xây, đòi quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Đây là lời nói chính nghĩa đầu tiên của đại biểu phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trên diễn đàn quốc tế

Tháng 7-1920, Hồ Chí Minh đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc thuộc địa*, và nhiều tài liệu liên quan đến Quốc tế Cộng sản. Hiểu biết thêm về chủ nghĩa Lênin, Quốc tế Cộng sản về cách mạng vô sản với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Qua đó, tìm thấy phương hướng đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.

Tháng 12-1920, cùng những người tích cực nhất trong Đảng xã hội Pháp, Hồ Chí Minh tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là sự kiện đánh dấu sự chuyển biến về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lênin, từ người yêu nước thành người cộng sản.

2.2.3. Thời kỳ 1920 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

Đây là thời kỳ Hồ Chí Minh hoạt động thực tiễn và lý luận cực kỳ sôi nổi, phong phú, với những mục tiêu, phương hướng cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam từng bước được cụ thể hóa trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930).

Giai đoạn này, Hồ Chí Minh tích cực sử dụng báo chí Pháp lên án chủ nghĩa thực dân Pháp, thức tỉnh lương tri nhân dân Pháp và nhân loại tiến bộ, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân các dân tộc thuộc địa của dân tộc Việt Nam. Người tham gia hoạt động tích cực trong Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, tham gia sáng lập *Hội liên hiệp thuộc địa*, được bầu là Trưởng Tiểu ban nghiên cứu vấn đề dân tộc thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, sáng lập báo *Le Paria*, bằng tiếng Pháp tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, thức tỉnh nhân dân các nước thuộc địa, tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin vào các nước thuộc địa chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1925, với tên là Nguyễn Ái Quốc, Người xuất bản tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, vạch rõ bản chất, thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân và vạch ra phương hướng của cách mạng giải phóng dân tộc trong các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Tháng 6-1925, Hồ Chí Minh sáng lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ra báo *Thanh niên* bằng tiếng Việt, mở lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ đưa họ về nước hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam

Năm 1927, xuất bản sách *Đường Kách mệnh*. Tổng kết kinh nghiệm các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp, Mỹ và kinh nghiệm cách mạng Tháng Mười Nga. Chỉ rõ cách mạng Việt Nam phải có Đảng Cộng sản với chủ nghĩa Mác-

Lênin làm cốt lĩnh đạo; Lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc là toàn thể nhân dân Việt Nam trong đó nòng cốt là liên minh công nông.

Đầu năm 1930, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đầu tiên ở Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình và điều lệ vắn tắt của Đảng*. Các văn kiện này được coi là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*. Trong đó, trình bày rõ những quan điểm cơ bản về đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam, việc tổ chức, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị do Hồ Chí Minh khởi thảo giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong đó vạch ra con đường cách mạng Việt Nam là từ cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Liên minh công nông là lực lượng nòng cốt. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận cách mạng thế giới. Chiến lược đại đoàn kết toàn dân thấm trong từng câu chữ của Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng và Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng. Bản Cương lĩnh đầu tiên này đã thể hiện rõ sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong giải quyết mối quan hệ giai cấp, dân tộc và quốc tế trong đường lối cách mạng Việt Nam.

2.2.4. Thời kỳ 1930-1941: Vượt qua thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo

Do không sát tình hình các thuộc địa ở Phương Đông và Việt Nam lại chịu chi phối quan điểm “tả khuynh” lúc bấy giờ, Quốc tế Cộng sản đã chỉ trích và phê phán đường lối của Hồ Chí Minh vạch ra trong hội nghị Hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị Trung ương Đảng họp tháng 10-1930, ra nghị quyết cho rằng: Hội nghị hiệp nhất đảng có nhiều sai lầm. “Chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu, ấy là một sự rất nguy hiểm”¹. Việc phân chia thành trung, tiểu, đại địa chủ trong sách lược của Đảng là không đúng. Hội nghị ra Ấn nghị quyết: “Thủ tiêu chánh cương, sách lược và điều lệ Đảng”; bỏ tên Đảng Cộng sản Việt Nam mà lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động theo như chỉ thị của Quốc tế Cộng sản ...

Trong thời gian này, Hồ Chí Minh tiếp tục tham gia các hoạt động trong Quốc tế cộng sản, nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và chỉ đạo cách mạng Việt Nam kiên định quan điểm của mình.

Tháng 6-1931, thực dân Anh cấu kết với thực dân Pháp, bắt giam Hồ Chí Minh ở Hồng Kông. Đảng Cộng sản Đông Dương phối hợp với Quốc tế Cứu tế Đỏ, gia đình Luật sư Lôđôbi đấu tranh, Hồ Chí Minh được trắng án thoát khỏi nhà tù của thực dân Anh. Năm 1934 Hồ Chí Minh trở lại Liên Xô, vào học Trường Đại học Lênin. Sau đó, Người làm nghiên cứu sinh tại Ban Sử của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản. Trong quãng thời gian từ

¹ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 222.

năm 1934 đến năm 1938, Hồ Chí Minh vẫn còn bị hiểu lầm về một số hoạt động thực tế và quan điểm cách mạng.

Trong dịp Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, năm 1935, Trong Thư của V. Vaxilieva gửi Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương, có ý kiến rằng:

“Đối với đồng chí Nguyễn Ái Quốc, chúng tôi cho rằng trong 2 năm tới đây, đồng chí ấy cần phải nghiêm túc, nỗ lực học tập và không được làm một việc gì khác. Sau khi học xong, chúng tôi có những kế hoạch riêng để sử dụng đồng chí ấy”¹. Trong quãng thời gian từ năm 1934 -1936, Hồ Chí Minh vẫn còn bị hiểu lầm về quan điểm cách mạng. Khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, nhận thấy thời cuộc sẽ có những chuyển biến lớn, nên cần phải trở về nước trực tiếp tham gia lãnh đạo cách mạng Việt Nam, ngày 6-6-1938, Hồ Chí Minh gửi thư cho một lãnh đạo Quốc tế Cộng sản, đề nghị cho phép trở về nước hoạt động. Trong đó, có đoạn viết: “Xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này... Đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng”². Đề nghị được chấp nhận.

Tháng 10-1938, Hồ Chí Minh rời Liên Xô, đi qua Trung Quốc tìm đường trở về Việt Nam. Tháng 12-1940, Hồ Chí Minh về gần biên giới Việt- Trung, liên lạc với Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Người mở lớp huấn luyện cán bộ, viết sách: *Con đường giải phóng*.

Cuối tháng 1-1941 Hồ Chí Minh về nước, tháng 5-1941 Người chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh được khẳng định, trực tiếp thành đường lối của cách mạng Việt Nam. Hội nghị đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết thảy. Hồ Chí Minh khẳng định rõ: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”³. Hội nghị này đã tạm thời gác lại khẩu hiệu cách mạng điền địa, xóa bỏ vấn đề lập liên bang Đông Dương, chủ trương lập Mặt trận Việt Minh, thực hiện đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công, nêu ra mục tiêu thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

2.2.5. Thời kỳ từ 1941-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện, phát triển và toả sáng

Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài (1919-1941), ngày 28-1-1941 Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Tháng 5 năm 1941, Người trực tiếp chỉ đạo Hội nghị trung ương lần thứ 8 giải quyết những vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam, “giương cao ngọn cờ dân tộc, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang ...”. Nhờ đường lối đúng đắn đó, đã đưa tới thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945, lật đổ thành công chế độ phong kiến hơn ngàn năm, lật đổ ách thống trị của thực dân pháp hơn 80 năm và giành lại độc lập dân tộc trực tiếp từ tay phát xít Nhật. Đây là thắng lợi to lớn đầu tiên của chủ nghĩa

¹ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 245.

² Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 250.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3, tr. 230.

Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam.

Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*, sáng lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đầu tiên ở vùng Đông Nam Á; mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam - thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày 2-9-1945 đến ngày 20-12-1946, Hồ Chí Minh đề ra chiến lược, sách lược cách mạng sáng suốt, lãnh đạo Đảng và chính quyền cách mạng non trẻ trải qua thử thách “ngàn cân treo sợi tóc”. Với phương châm *Dĩ bất biến ứng vạn biến*, Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ đã giữ vững mục tiêu đấu tranh cho chủ quyền độc lập dân tộc, tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân bằng các sách lược cách mạng linh hoạt, mềm dẻo. Người đã chỉ đạo thành công sách lược: khi thì tạm hoà hoãn với Tưởng để tập trung đối phó với thực dân Pháp, lúc thì tạm hoà hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng và quét sạch bọn phản động tay sai của Tưởng về nước, giành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Những biện pháp sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng nước ta như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược về lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù và sự nhân nhượng có nguyên tắc; thêm bạn bớt thù, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc.

Từ 1946-1954, *Hồ Chí Minh là linh hồn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp*. Người đề ra đường lối kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh. Đồng thời, Người lãnh đạo, tổ chức, chỉ đạo kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong thời kỳ này Hồ Chí Minh hoàn thiện lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, và từng bước hình thành tư tưởng về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân pháp ở Việt Nam thắng lợi, mở ra thời kỳ sụp đổ của hệ thống thuộc địa kiểu cũ trên phạm vi toàn thế giới. Hòa bình lập lại ở miền Bắc Việt Nam; và miền Bắc bắt đầu bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Từ 1954-1969, Hồ Chí Minh xác định và lãnh đạo thực hiện đường lối cùng một lúc thi hành 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Tất cả nhằm giành được hòa bình, độc lập, thống nhất nước nhà. Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh bổ sung hoàn thiện hệ thống quan điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực triết học, chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá và đạo đức. Sau đó, di sản tư tưởng của Người được Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển trong thực tiễn, trở thành ánh sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam vượt qua mọi khó khăn thử thách, đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác.

Trong những giờ phút gay go nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi đế quốc Mỹ tăng cường quân đội viễn chinh Mỹ vào miền Nam và đẩy mạnh đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân Mỹ, ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra một chân lý lớn của thời đại: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đồng thời, khẳng định nhân dân Việt Nam chẳng những không sợ, mà còn quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. “Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ

xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”¹.

Trước khi đi xa, Người để lại *Di chúc*, một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh tư tưởng, trí tuệ, tâm hồn, đạo đức của một lãnh tụ thiên tài, anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa, suốt đời vì dân vì nước. Đảng và nhân dân ta đã nhận thức sâu sắc di sản tinh thần vô giá mà Hồ Chí Minh để lại. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động”. Đến nay, toàn Đảng, toàn dân Việt Nam đang phấn đấu thực hiện điều mong mỏi cuối cùng của Hồ Chí Minh là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

1. Phân tích nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó, cho biết yếu tố nào là quan trọng nhất, quyết định bản chất cách mạng và khoa học tư tưởng Hồ Chí Minh?
2. Tại sao nói sự ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh là tất yếu khách quan? Chỉ ra những tiền đề lý luận giữ vai trò quyết định trong việc hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh?
3. Phân tích những phẩm chất cá nhân thuộc về Hồ Chí Minh. Phẩm chất nào giữ vai trò quyết định? Vì sao?
4. Trình bày tóm tắt các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh?

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 624.

CHƯƠNG 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc

Thực chất của vấn đề dân tộc ở thuộc địa là *đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xoá bỏ ách thống trị, áp bức, bóc lột của nước ngoài, giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập Nhà nước dân tộc độc lập*.

a. Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc

Ra đi tìm đường cứu nước với một khát vọng cháy bỏng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp làm cho đất nước độc lập, nhân dân tự do, Nguyễn Ái Quốc đã vượt qua mọi gian nguy để hoàn thành khát vọng của mình. Đối với Nguyễn Ái Quốc thì độc lập, tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của không chỉ dân tộc Việt Nam mà còn là của tất cả các dân tộc trên thế giới.

Độc lập, tự do là quyền tự nhiên của dân tộc, thiêng liêng và vô cùng quý giá: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi. Đây là tất cả những điều tôi muốn; đây là tất cả những điều tôi hiểu”¹.

Độc lập, tự do còn thể hiện ở mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của cách mạng Việt Nam là: đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập. Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* và khẳng định: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ quyền tự do độc lập ấy”².

Hoà bình chân chính trong nền độc lập dân tộc để nhân dân xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cũng là quyền cơ bản của dân tộc. Hoà bình không thể tách rời độc lập dân tộc, và muốn có hoà bình thật sự thì phải có độc lập thật sự. Hồ Chí Minh đã nêu: “Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ độc lập và chủ quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”³. Người nêu lên chân lý có giá trị cho mọi thời đại: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” - khẩu hiệu hành động của dân tộc Việt Nam đồng thời cũng là nguồn cổ vũ các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

b. Độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân

¹ Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, tr.11

² Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.4.

³ Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.496

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn với tự do của nhân dân. Người đánh giá cao học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn về độc lập và tự do: dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Và bằng lý lẽ đầy thuyết phục, trong khi viện dẫn bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”¹, Hồ Chí Minh khẳng định dân tộc Việt Nam đương nhiên cũng phải được tự do và bình đẳng về quyền lợi: “Đó là lẽ phải không ai chối cãi được”². Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng, Người cũng đã xác định rõ ràng mục tiêu của đấu tranh của cách mạng là “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập... dân chúng được tự do... thủ tiêu hết các thứ quốc trái... thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo... thi hành luật ngày làm 8 giờ”³. Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công nước nhà được độc lập và một lần nữa Hồ Chí Minh khẳng định độc lập phải gắn với tự do. Người nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁴.

Ngoài ra, độc lập cũng phải gắn với cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong hoàn cảnh nhân dân đói rét, mù chữ..., Hồ Chí Minh yêu cầu: “Chúng ta phải:

Làm cho dân có ăn.

Làm cho dân có mặc.

Làm cho dân có chỗ ở.

Làm cho dân có học hành”⁵.

c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để

Tất cả các dân tộc trên thế giới phải được độc lập hoàn toàn và thật sự. Độc lập trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, toàn vẹn lãnh thổ. Mọi vấn đề của chủ quyền quốc gia do dân tộc đó tự quyết định.

Theo Hồ Chí Minh độc lập tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa và theo nguyên tắc: Nước Việt Nam là của người Việt Nam, do dân tộc Việt Nam quyết định, nhân dân Việt Nam không chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào từ bên ngoài. Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để trên tất cả các lĩnh vực. Người nhấn mạnh: độc lập mà người dân không có quyền tự quyết về ngoại giao, không có quân đội riêng, không có nền tài chính riêng..., thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì.

d. Độc lập dân tộc phải gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Trong bức Thư gửi đồng bào Nam Bộ (1946), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết,

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.1.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.1.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3, tr.1.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.64

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.175.

đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh tiếp tục kiên trì đấu tranh để thống nhất Tổ quốc. Tháng 2 năm 1958, Người, khẳng định: Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”¹. Trong Di chúc, Người cũng đã thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng, vào sự thống nhất nước nhà: “Dù khó khăn, gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”². Có thể khẳng định tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

3.1.2. Về cách mạng giải phóng dân tộc

a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

Từ khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược và đặt ách thống trị nước ta, vấn đề sống còn của dân tộc là phải đấu tranh để giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân đế quốc. Hàng loạt những phong trào yêu nước trong thời kỳ này đã nói lên sự khủng hoảng, bế tắc về giai cấp lãnh đạo và đường lối cách mạng.

Vượt qua tầm nhìn của các bậc tiền bối lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh có chí hướng là muốn tìm kiếm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc ở phương Tây. Người tìm hiểu, khảo sát cách mạng tư sản Mỹ, cách mạng tư sản Pháp và đi đến khẳng định: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”³.

Sau khi tìm hiểu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và cách mạng vô sản thế giới Người đã quyết định lựa chọn con đường cách mạng Việt Nam là đi theo cách mạng vô sản. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”⁴ và “... chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”⁵.

Học thuyết cách mạng vô sản của Chủ nghĩa Mác – Lênin được Hồ Chí Minh vận dụng một cách sáng tạo trong điều kiện cách mạng Việt Nam. Cụ thể:

Giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, trong đó giải phóng dân tộc là trước hết, trên hết.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng năm 1930, Hồ Chí Minh đã khẳng định phương hướng chiến lược cách mạng Việt Nam: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Phương hướng này vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại vừa hướng tới giải quyết một cách triệt để những yêu cầu khách quan, cụ thể mà cách mạng Việt Nam đã đặt ra cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr.311.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.623.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.274.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, tr.314

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12, tr.563

b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

Theo Hồ Chí Minh cách mạng trước hết phải có Đảng để tổ chức và giác ngộ quần chúng, liên lạc với cách mạng thế giới và có cách làm đúng. Trong tác phẩm Đường cách mệnh (năm 1927), Người khẳng định: “Cách mệnh trước hết phải có gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹.

Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất, Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc. Đây là sự bổ sung, phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản, định hướng cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng có sự gắn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân, với nhân dân lao động và cả dân tộc trong mọi thời kỳ của dân tộc Việt Nam.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng do Hồ Chí Minh sáng lập đã quy tụ được lực lượng và sức mạnh của toàn bộ giai cấp công nhân và cả dân tộc Việt Nam. Nhờ đó, Đảng đã nắm ngọn cờ lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam và trở thành nhân tố hàng đầu bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng.

c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công - nông làm nền tảng

Các nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định rằng: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử. Kế thừa tư tưởng các nhà lý luận nói trên, Hồ Chí Minh quan niệm: có dân là có tất cả, trên đời này không gì quý bằng dân, được lòng dân thì được tất cả, mất lòng dân thì mất tất cả và cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp chung của toàn dân tộc: “cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”².

Người đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang: Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi.

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Người xác định lực lượng cách mạng bao gồm cả dân tộc: “Đảng phải tập hợp địa bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận nông dân và phải dựa vào hạng dân cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp...”³.

Động lực cách mạng: nhấn mạnh vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân, đồng thời không coi nhẹ khả năng tham gia sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc của các giai cấp và tầng lớp khác (bạn đồng minh của cách mạng).

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.267-268

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.283.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3, tr.3.

d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Đó là mối quan hệ bình đẳng với cách mạng vô sản chứ không phải quan hệ lệ thuộc hoặc quan hệ chính - phụ.

Nhận thức đúng vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa và sức mạnh dân tộc, Người còn cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, một cống hiến quan trọng của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã được thắng lợi của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới gần một thế kỷ qua chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Hồ Chí Minh cho rằng bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng.

Hình thức của bạo lực cách mạng bao gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, nhưng phải “Tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng”¹.

Bạo lực cách mạng gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo và hòa bình: Xuất phát từ tình yêu thương, quý trọng sinh mạng con người, Người luôn tranh thủ khả năng giành và giữ chính quyền sao cho ít đổ máu, tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình, chủ động đàm phán, thương lượng, chấp nhận những nhượng bộ có nguyên tắc.

Chỉ khi không còn khả năng hòa hoãn, khi kẻ thù ngoan cố bám giữ lập trường thực dân, chỉ muốn giành thắng lợi bằng quân sự thì Người mới phải sử dụng giải pháp bắt buộc cuối cùng là tiến hành chiến tranh. Nhưng trong khi tiến hành chiến tranh, vẫn tìm mọi cách vẫn hồi hòa bình.

Hình thái bạo lực cách mạng: Khởi nghĩa toàn dân, chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện: “Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng lợi được”². Trong chiến tranh, “quân sự là việc chủ chốt”, nhưng đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr 391.

² Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.298

3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội ở nhiều góc độ khác nhau bằng cách chỉ ra đặc trưng ở một lĩnh vực nào đó (như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, động lực, nguồn lực, v.v.), song tất cả đều hướng đến mục tiêu cơ bản của nó mà theo Người: “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”, là làm sao cho dân giàu, nước mạnh”¹.

So sánh các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử để thấy sự khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội với các chế độ khác, Hồ Chí Minh viết: “Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thỏa mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện được thỏa mãn”². Người khẳng định mục đích của cách mạng Việt Nam là tiến đến chủ nghĩa xã hội rồi đến chủ nghĩa cộng sản vì: *Cộng sản có hai giai đoạn. Giai đoạn thấp, tức là chủ nghĩa xã hội. Giai đoạn cao, tức là chủ nghĩa cộng sản. Hai giai đoạn ấy giống nhau ở chỗ: Sản xuất đã phát triển cao; nền tảng kinh tế thì tư liệu sản xuất đều là của chung; không có giai cấp áp bức bóc lột. Hai giai đoạn ấy khác nhau ở chỗ: Chủ nghĩa xã hội vẫn còn chút ít vết tích xã hội cũ. Xã hội cộng sản thì hoàn toàn không còn vết tích xã hội cũ*³.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, *chủ nghĩa xã hội là xã hội ở giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Mặc dù còn tồn đọng tàn dư của xã hội cũ nhưng chủ nghĩa xã hội không còn áp bức, bóc lột, xã hội do nhân dân lao động làm chủ, trong đó con người sống ấm no, tự do, hạnh phúc, quyền lợi của cá nhân và tập thể vừa thống nhất, vừa gắn bó chặt chẽ với nhau.*

b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan

Dựa trên cơ sở học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn cách mạng Hồ Chí Minh cho khẳng định: Chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu sau khi giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu được nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”⁴.

Theo Hồ Chí Minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình tất yếu, tuân theo những quy luật khách quan. Tuy nhiên tùy theo bối cảnh cụ thể mà thời gian,

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, tr.390.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr.610.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.8, tr.289 - 290

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, tr.461

phương thức tiến lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia sẽ diễn ra một cách khác nhau; trong đó, những nước đã qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa sẽ “đi thẳng” lên chủ nghĩa xã hội. Những nước chưa qua giai đoạn phát triển này có thể đi lên chủ nghĩa xã hội sau khi đã “đánh đổ đế quốc và phong kiến” dưới sự lãnh đạo của Đảng vô sản và được tư tưởng Mác - Lênin dẫn đường¹.

c. Một số đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

Các đặc trưng tổng quát của Chủ nghĩa xã hội theo Hồ Chí Minh là:

Thứ nhất, về chính trị: Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có chế độ dân chủ.

Thứ hai, về kinh tế: Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

Thứ ba về văn hóa, đạo đức và các quan hệ xã hội: Xã hội xã hội chủ nghĩa có trình độ phát triển cao về văn hoá và đạo đức, bảo đảm sự công bằng, hợp lý trong các quan hệ xã hội.

Thứ tư, về chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội: Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Mục tiêu tổng quát:

Hồ Chí Minh diễn giải mục tiêu tổng quát của chủ nghĩa xã hội thành các tiêu chí cụ thể: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội”².

Có khi Người nói một cách gián tiếp, không nhắc đến chủ nghĩa xã hội, nhưng xét về bản chất thì đó cũng là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”³.

Những mục tiêu cụ thể:

Về chính trị: Phải xây dựng được chế độ dân chủ, chế độ chính trị phải là do nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước là của dân, do dân và vì dân (Nhà nước có hai chức năng: dân chủ với nhân dân và chuyên chính với kẻ thù của nhân dân).

Về kinh tế: Phải xây dựng được nền kinh tế phát triển cao gắn bó mật thiết với mục tiêu về chính trị. Nền kinh tế mà chúng ta xây dựng là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công - nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được bỏ dần, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.8, tr. 293 - 294

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13, tr.438

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.614

Về văn hóa: Phải xây dựng được nền văn hóa mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng và tiếp thu được tinh hoa văn hóa nhân loại.

Văn hóa thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội, đó là xóa nạn mù chữ, xây dựng, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, xây dựng, phát triển văn hóa nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, thực hành vệ sinh phòng bệnh, giải trí lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan, khắc phục phong tục tập quán lạc hậu,...

Mục tiêu về quan hệ xã hội: Phải bảo đảm dân chủ, công bằng, văn minh.

Xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, lợi ích chung của tập thể.

b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Để thực hiện những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh, cần phát hiện những động lực và những điều kiện bảo đảm cho động lực đó thực sự trở thành sức mạnh thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong tư tưởng của Người, hệ thống động lực thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa rất phong phú, bao hàm những động lực cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai; cả về vật chất và tinh thần, nội lực và ngoại lực, v.v. ở tất cả các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, giáo dục, v.v. Tất cả các động lực đều rất quan trọng và có mối quan hệ biện chứng với nhau nhưng giữ vai trò quyết định là nội lực dân tộc, là nhân dân nên để thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa phải đảm bảo *lợi ích của dân, dân chủ của dân, sức mạnh đoàn kết toàn dân*.

Bên cạnh việc chỉ ra các nguồn động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội, Người còn lưu ý, cảnh báo và ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn lực vốn có của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội trở nên trì trệ, xơ cứng, không có sức hấp dẫn, đó là chủ nghĩa cá nhân - nguồn gốc đẻ ra hàng loạt bệnh khác: tham ô, lãng phí, quan liêu, ...; đó là các căn bệnh chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật, chủ quan, bảo thủ, giáo điều,...

3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ

Tính chất của thời kỳ quá độ: Đây là thời kỳ cải biến sâu sắc nhất nhưng phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ.

Theo Hồ Chí Minh, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là thời kỳ cải biến xã hội cũ thành xã hội mới - một xã hội hoàn toàn chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Thời kỳ dân tộc ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm; phải xóa bỏ giai cấp bóc lột; phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc trong điều kiện nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, mới thoát khỏi ách thực dân phong kiến nên nó là công cuộc biến đổi sâu sắc nhất, khó khăn nhất, thậm chí còn khó khăn, phức tạp hơn cả việc đánh giặc. Vì vậy,

tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể một sớm một chiều, không thể làm mau được mà phải làm dần dần.

Thực chất của thời kỳ quá độ: con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc điểm của thời kỳ quá độ: Đặc điểm lớn nhất lớn nhất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là từ một nước nông nghiệp, lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ: Đấu tranh cải tạo, xóa bỏ tàn tích của chế độ xã hội cũ, xây dựng các yếu tố mới phù hợp với quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống; trong đó:

Về chính trị: phải xây dựng được chế độ dân chủ vì đây là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Muốn xây dựng được chế độ này, theo Hồ Chí Minh, phải chống tất cả các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, trước hết ở trong Đảng, trong bộ máy chính quyền từ cấp cơ sở đến Trung ương, đồng thời phải bồi dưỡng, giáo dục để nhân dân có tri thức, có năng lực làm chủ chế độ xã hội.

Về kinh tế: trong bối cảnh nền kinh tế của nước ta còn nghèo nàn, kỹ thuật lạc hậu, Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ quan trọng nhất của thời kỳ quá độ là phải cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại. Đây là quá trình xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Giữa cải tạo và xây dựng thì xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài và phải luôn gắn với việc thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Về văn hóa: phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc; đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiên bộ trên thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tinh chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

Về các quan hệ xã hội: phải thay đổi triệt để những quan hệ cũ đã trở thành thói quen trong lối sống, nếp sống của con người; xây dựng được một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, với lợi ích chung của tập thể.

b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

Hồ Chí Minh nêu một số nguyên tắc có tính phương pháp luận để xác định bước đi và tìm cách làm phù hợp với thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Một là, xây dựng chủ nghĩa xã hội là hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng chế độ mới.

Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bóc lột; là khoa học về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã

hội ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản¹ nên theo Người, cuộc cách mạng mà giai cấp công nhân thực hiện chỉ có thể đạt được thành tựu trên cơ sở trung thành sắt đá với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Hai là, phải giữ vững độc lập dân tộc.

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, đối với một dân tộc thì “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”. Độc lập dân tộc là mục tiêu trước hết của mỗi dân tộc; còn đặt trong mối quan hệ với chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc trường tồn với đầy đủ ý nghĩa chân chính của nó.

Thứ ba, phải đoàn kết, tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em

Xác định “Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của lực lượng hòa bình, dân chủ, xã hội chủ nghĩa trên thế giới”², Hồ Chí Minh quan niệm “sự đoàn kết giữa lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa và sự đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản và công nhân tất cả các nước có ý nghĩa quan trọng bậc nhất”³. Trong sự đoàn kết này, cách mạng Việt Nam phải học tập kinh nghiệm của các nước anh em song không được áp đặt những kinh nghiệm ấy một cách máy móc mà phải vận dụng nó một cách sáng tạo.

Thứ tư, xây phải đi đôi với chống.

Theo Hồ Chí Minh, muốn đạt được và giữ được thành quả của cách mạng thì cùng với việc xây dựng các lĩnh vực của đời sống xã hội phải chống lại mọi hình thức của các thế lực cản trở, phá hoại sự phát triển của cách mạng.

3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

Theo Hồ Chí Minh, con đường cách mạng Việt Nam có hai giai đoạn: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong cách mạng dân tộc dân chủ có hai nhiệm vụ chiến lược cơ bản, trong đó giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, nhiệm vụ dân chủ được rải ra thực hiện từng bước và phục tùng nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Vì thế, ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ thì độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, trước mắt. Độc lập dân tộc bao hàm trong đó cả nội dung dân tộc và dân chủ. Đó là nền độc lập thật sự, độc lập hoàn toàn, chứ không phải là thứ độc lập giả hiệu, độc lập nửa vời, độc lập hình thức. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn liền với thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, độc lập dân tộc bao giờ cũng gắn với tự do, dân chủ, ấm no hạnh phúc của nhân dân lao động.

Theo Hồ Chí Minh độc lập dân tộc tạo tiền đề, điều kiện để nhân dân lao động tự quyết định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trong thời đại mới, chủ nghĩa xã hội là xu hướng phát triển tất yếu của

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr.96

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12, tr.674.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12, tr.675.

cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹ và “... chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”².

3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện vững chắc để đảm bảo nền độc lập dân tộc

Chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một xã hội tốt đẹp, xoá bỏ mọi áp bức, bóc lột; công bằng hợp lý - làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng; bảo đảm phúc lợi cho người già, trẻ mồ côi; một xã hội có nền sản xuất phát triển gắn liền với sự phát triển khoa học - kỹ thuật và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lao động. Đó là một xã hội có kỷ cương, đạo đức, văn minh trong đó người với người là bạn bè, đồng chí, anh em, mọi người được phát triển hết khả năng của mình; hòa bình hữu nghị, làm bạn với các nước; một xã hội do nhân dân lao động làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội chính là xây dựng tiềm lực phát triển của dân tộc trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Với các thiết chế đó và nền tảng tinh thần riêng có, chủ nghĩa xã hội có khả năng vận động liên tục, tự bảo vệ vững chắc các thành quả cách mạng của nhân dân.

3.3.3. Điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Theo Hồ Chí Minh, cần có những điều kiện cơ bản sau:

Một là, phải bảo đảm vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản trong suốt tiến trình cách mạng. Không có sự lãnh đạo của Đảng thì cách mạng Việt Nam không thể nào đi theo con đường cách mạng vô sản và tất nhiên độc lập dân tộc sẽ không giành được. Và ngay trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, theo Hồ Chí Minh, càng phải củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nếu không Đảng sẽ đánh mất vai trò lãnh đạo và chủ nghĩa xã hội sẽ sụp đổ, tan rã.

Hai là, phải củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc mà nền tảng là khối liên minh công - nông, vì theo Người, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng.

Ba là, phải đoàn kết, gắn bó chặt chẽ với cách mạng thế giới. Đoàn kết quốc tế, theo Hồ Chí Minh, là để tạo ra một sức mạnh to lớn cho cách mạng và cũng để góp phần chung cho nền hoà bình, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Ba điều kiện trên phải được bảo đảm, gắn bó chặt chẽ với nhau sẽ góp phần bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay

3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, tr.314.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, tr.128.

Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” chính là hạt nhân cốt lõi, sợi chỉ đỏ xuyên suốt.

Thực tiễn cách mạng nước ta 90 năm qua đã chứng minh sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đồng thời chứng minh vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng ta.

Từ thực tiễn phong phú của cách mạng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng đã rút ra những bài học kinh nghiệm lớn, trong đó bài học đầu tiên là: “Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau”. Cương lĩnh cũng xác định *Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có các đặc trưng là*: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội mà toàn Đảng, toàn dân đã, đang và sẽ tiếp tục xây dựng. Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định tầm quan trọng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với tư cách vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Dân chủ trở thành ngọn cờ quy tụ, tập hợp sức mạnh của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh xoá bỏ áp bức, bóc lột, thiết lập nên chính quyền của giai cấp công nhân, đem lại quyền tự do, dân chủ cho quảng đại quần chúng nhân dân lao động.

Trên tinh thần đó Văn kiện Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân”¹.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.170

3.4.3. Cùng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị

Chế độ chính trị Việt Nam là thể chế chính trị một Đảng duy nhất cầm quyền. Hệ thống chính trị Việt Nam gắn liền với vai trò tổ chức và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mỗi tổ chức thành viên của hệ thống chính trị đều do Đảng Cộng sản Việt Nam sáng lập, vừa đóng vai trò là hình thức tổ chức quyền lực của nhân dân (Nhà nước), tổ chức tập hợp, đoàn kết quần chúng, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của quần chúng (Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội), vừa là tổ chức mà qua đó Đảng Cộng sản thực hiện sự lãnh đạo chính trị đối với xã hội.

Như vậy, củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị thực chất là thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

3.4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng, nhân dân ta đã giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên những kỳ tích trong thế kỷ XX. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng đã lãnh đạo đất nước vượt qua khó khăn, thách thức và đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy vậy trong những năm gần đây đã xuất hiện tình trạng trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Tình trạng này có thể dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay là phải tích cực thực hiện, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng, trong đó các nghị quyết về xây dựng Đảng giữ vị trí cực kỳ quan trọng vì xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt trong sự nghiệp đổi mới.

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là những hành động cụ thể, đặt trong bối cảnh mà Đảng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Đảng cầm quyền trong sự nghiệp xây dựng đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh để giữ vững nền độc lập dân tộc trên con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

Câu 1. Trình bày những luận điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc? Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

Câu 2. Vì sao Hồ Chí Minh khẳng định ở Việt Nam muốn thực hiện được nhiệm vụ giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản?

Câu 4. Chứng minh khẳng định của Hồ Chí Minh: cách mạng Việt Nam muốn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giải phóng dân tộc phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo?

Câu 5. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Câu 6. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và nhiệm vụ của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Câu 7. Hồ Chí Minh xác định lượng lượng của cách mạng giải phóng dân tộc như thế nào? Vì sao Người khẳng định: “công nông là người chủ cách mệnh... công nông là gốc cách mệnh”?

Câu 8. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta đã vận dụng những đặc trưng bản chất đó như thế nào?

Câu 9. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hiện nay Đảng và Nhân dân ta cần làm gì để thực hiện thành công những mục tiêu trên?

Câu 10. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về các bước đi, biện pháp xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ý nghĩa của tư tưởng này đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

Câu 11. Phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Để góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay, bản thân anh/chị cần phải thực hiện những nhiệm vụ nào?

Câu 12. Tại sao theo tư tưởng Hồ Chí Minh: độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội? Vận dụng quan điểm này trong giai đoạn hiện nay như thế nào?

CHƯƠNG 4:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, là một đảng chính trị tồn tại và phát triển theo những quan điểm của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Hồ Chí Minh là người trung thành với học thuyết Mác - Lênin, trong đó có lý luận của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản, đồng thời vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận đó vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Khi đề cập các yếu tố cho sự ra đời của một Đảng Cộng sản, trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác, từ hoàn cảnh cụ thể của nước Nga và phong trào công nhân châu Âu, V.I.Lênin đã nêu lên hai yếu tố, đó là: *chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân*.

Đối với Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng: sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp của ba yếu tố: *Chủ nghĩa Mác – Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước*.

Như vậy, bên cạnh hai yếu tố là chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân theo quan điểm của Lênin thì Hồ Chí Minh còn đưa ra yếu tố thứ ba đó là **phong trào yêu nước**. Đây chính là sự phát triển sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh so với học thuyết Mác-Lênin về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở tổng kết thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh là hoàn toàn phù hợp với xã hội thuộc địa và phong kiến như Việt Nam, khi mà *mâu thuẫn cơ bản* trong xã hội là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với các thế lực đế quốc và tay sai. Trong thực tế, những phong trào đấu tranh của công nhân đã kết hợp được rất nhuần nhuyễn với phong trào yêu nước. Một số người Việt Nam yêu nước lúc đầu đi theo xu hướng dân chủ tư sản, nhưng qua thực tế được sự tác động của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã dần dần tiến theo xu hướng cộng sản, rõ nhất là từ năm 1925 trở đi. Hàng loạt tổ chức yêu nước ra đời, trong đó nổi rõ nhất là tổ chức Hội Việt Nam cách mệnh Thanh niên do Hồ Chí Minh lập ra. Đấu tranh giai cấp quện chặt với đấu tranh dân tộc. Thật khó mà tách bạch mục tiêu cơ bản giữa các phong trào đó, tuy lực lượng, phương thức, khẩu hiệu đấu tranh có khác nhau, nhưng mục tiêu chung là: Giành độc lập, tự do cho dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tồn tại và phát triển chính là do nhu cầu tất yếu của xã hội Việt Nam từ đầu năm 1930 trở đi. Đảng đã được toàn dân tộc trao cho sứ mệnh lãnh đạo đất nước trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng trước hết phải có “đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc

với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹.

Khẳng định Đảng cộng sản “như người cầm lái” cho con thuyền là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt cả quá trình cách mạng, cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu, vai trò lãnh đạo của Đảng cũng là một tất yếu - điều đó xuất phát từ yêu cầu phát triển của dân tộc Việt Nam.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tính quyết định hàng đầu từ sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam đã được thực tế lịch sử chứng minh, không có một tổ chức chính trị nào có thể thay thế được. Sự bảo đảm, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt tiến trình phát triển của đất nước theo mục tiêu chủ nghĩa xã hội là một nguyên tắc vận hành của xã hội Việt Nam từ khi có Đảng.

4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

a. *Đảng là đạo đức, là văn minh*

Hồ Chí Minh coi đạo đức là gốc, là nền tảng của người cộng sản. Từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX, trong hệ thống các bài giảng cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Hồ Chí Minh đưa lên đầu như là một bài nhập môn phần *Tư cách của một người cách mạng*. Trong bài nói tại Lễ kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng (năm 1960), Hồ Chí Minh cho rằng: “*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*”², Hồ Chí Minh coi đạo đức cách mạng là gốc, là nền tảng của người cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức của Đảng thể hiện trên những điểm sau đây:

- Mục đích hoạt động của Đảng là lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Đó là sự nghiệp cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cho dân tộc được độc lập, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc thực sự, đoàn kết hữu nghị với các dân tộc trên thế giới.

- Cương lĩnh, đường lối, chủ trương và mọi hoạt động thực tiễn của Đảng đều phải nhằm mục đích đó. Đảng phải luôn luôn trung thành với lợi ích toàn dân tộc vì Đảng không có mục đích riêng; sự ra đời và phát triển của Đảng đều vì mục đích làm cho đất nước hùng cường đi lên chủ nghĩa xã hội, đưa lại quyền lợi cho dân.

- Đội ngũ đảng viên phải luôn luôn thấm nhuần đạo đức cách mạng, ra sức tu dưỡng, rèn luyện, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của dân, của nước. Do vậy, một trong những biểu hiện rõ nhất của Hồ Chí Minh về rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam để cho Đảng trở thành Đảng của đạo đức, của văn minh là Người “rèn” đạo đức cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đảng viên càng phải là những người có lòng nhân ái, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”; trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân; có bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính và luôn

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.289.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12, tr.403.

luôn chí công vô tư; có tinh thần quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng “là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Những người mà:

Giàu sang không thể quyến rũ

Nghèo khó không thể chuyển lay,

Uy lực không thể khuất phục”¹.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”²; rằng, Đảng phải “sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”³.

Như vậy, xây dựng Đảng về mặt đạo đức cách mạng là một nội dung đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, là bước phát triển sáng tạo của Người so với lý luận của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng có đạo đức cách mạng, về ý nghĩa cơ bản mà xét, cũng tức là xây dựng Đảng để Đảng trở thành một Đảng văn minh, hoặc Hồ Chí Minh hay gọi đó là “một Đảng cách mạng chân chính”. Điều này thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

- Đảng văn minh là một Đảng tiêu biểu cho lương tâm, trí tuệ và danh dự của dân tộc.

- Đảng ra đời là một tất yếu, phù hợp với quy luật phát triển văn minh tiến bộ của dân tộc và của nhân loại. Mọi hoạt động của Đảng đều xuất phát từ yêu cầu phát triển của dân tộc, lấy lợi ích tối cao của dân tộc làm trọng, mọi lợi ích giai cấp đều phải đặt dưới sự phát triển của dân tộc; mọi hoạt động của Đảng đều phải phù hợp với quy luật vận động của xã hội Việt Nam.

- Đảng phải luôn luôn trong sạch, vững mạnh, làm tròn sứ mệnh lịch sử do nhân dân, dân tộc giao phó là lãnh đạo giành độc lập cho Tổ quốc và đưa lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Trong giai đoạn Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh càng chú trọng hơn việc phòng và chống các tiêu cực trong Đảng.

- Xây dựng Đảng văn minh còn thể hiện trong giai đoạn cầm quyền, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Đảng không phải là tổ chức đứng trên dân tộc.

- Đảng văn minh còn là ở chỗ đội ngũ đảng viên, từ những đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, nhất là những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý chủ chốt, cho đến đảng viên

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr.50.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.611-612.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, , tr.50.

không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải là những chiến sĩ tiên phong, gương mẫu trong công tác và cuộc sống hằng ngày.

- Đảng văn minh phải là Đảng có quan hệ quốc tế trong sáng, hoạt động không những vì lợi ích dân tộc Việt Nam mà còn vì độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác; vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển của các dân tộc trên thế giới.

Trong giai đoạn Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh càng chú trọng hơn việc phòng và chống các tiêu cực trong Đảng. Đảng sẽ bị mất quyền lãnh đạo nếu Đảng không trong sạch, vững mạnh, nếu đội ngũ cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất. Đến mức như thế và đến lúc như thế thì mọi thành quả của cách mạng nước ta sẽ bị tiêu tan. Đúng như cái logic tất yếu mà Hồ Chí Minh đã cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹.

b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bấy giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”².

Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh phải trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin nhưng đồng thời phải luôn luôn sáng tạo, vận dụng cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh, từng lúc, từng nơi. Đảng dựa chắc vào cơ sở lý luận chính trị là chủ nghĩa Mác-Lênin nhưng không được phép giáo điều.

Tập trung dân chủ.

Hồ Chí Minh đưa ra luận đề liên quan mật thiết với nhau: Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ phải đi đến tập trung. Như vậy, hàm lượng dân chủ càng cao, càng đậm đặc bao nhiêu trong hoạt động của Đảng thì tập trung trong Đảng càng đúng đắn bấy nhiêu. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, phải làm cho tất cả mọi đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình ở trong Đảng, tức là khơi dậy tinh thần trách nhiệm và tính tích cực chủ động của tất cả đảng viên. Khi đã thảo luận, bày tỏ ý kiến rồi thì đi đến tập trung, tức là đề cập ý chí thống nhất, hành động thống nhất, như thế mới có sức mạnh. Và, nói như Hồ Chí Minh, lúc ấy quyền tự do của đảng viên trở thành quyền phục tùng chân lý, mà chân lý là những điều có lợi cho dân, cho nước. Điều kiện tiên quyết khi thực hiện nguyên tắc này là tổ chức Đảng phải *trong sạch, vững mạnh*.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.672.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.289.

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Có lúc Hồ Chí Minh coi tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung. Để nhấn mạnh tính chất này, Hồ Chí Minh lưu ý hai điều cần tránh trong hoạt động của Đảng: (i) Độc đoán, chuyên quyền, coi thường tập thể; (ii) Dựa dẫm tập thể, không dám quyết đoán. Hai vế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách phải luôn luôn đi đôi với nhau.

Tự phê bình và phê bình.

Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là việc làm thường xuyên, “như mỗi ngày phải rửa mặt”¹. Người viết trong *Di chúc*: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng”². Người cho rằng, tự phê bình và phê bình là “thang thuốc” tốt nhất để làm cho phần tốt trong mỗi tổ chức và mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi; tự phê bình và phê bình phải trung thực, kiên quyết, đúng người, đúng việc, phải có văn hóa... Trong Đảng, “phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”³.

Kỷ luật nghiêm minh, tự giác

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đảng tổ chức rất nghiêm, khác với các đảng phái khác và các hội quần chúng. Trong Đảng chỉ kết nạp những phần tử hăng hái nhất, cách mạng nhất. Đảng có những điều kiện kỷ luật bắt buộc mỗi đảng viên phải theo. Không có kỷ luật sắt không có Đảng. Đã vào Đảng thì phải theo tư tưởng của Đảng. Đảng đã chỉ thị nghị quyết là phải làm. Không làm thì đuổi ra khỏi Đảng”⁴. Sức mạnh của một đảng cộng sản bắt nguồn từ kỷ luật, muôn người như một, cùng một ý chí và hành động. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng ta tuy đông người, nhưng khi tiến đánh chỉ như một người. Điều đó là nhờ trong Đảng có kỷ luật, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng: “Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí”⁵. Kỷ luật của Đảng là kỷ luật tự giác, “do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”⁶; khi đã tự giác thì kỷ luật của Đảng mới nghiêm và mới bền lâu, thực sự tạo sức mạnh cho Đảng.

Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn.

Quyền lực của Đảng là do giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc giao phó. Đảng phải không ngừng tự chỉnh đốn bản thân mình. Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng không có mục đích tự thân, Đảng không phải là tổ chức để làm quan phát tài mà Đảng từ trong xã hội mà ra, hoạt động vì Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Thường xuyên tự chỉnh đốn, do đó, trở thành một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong xây dựng Đảng. Điều này càng đặc biệt quan trọng hơn khi Đảng đứng trước những thử thách lớn trong quá trình hoạt động, chẳng hạn,

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.279

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.611.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.611.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.16, tr.367.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.290.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.290.

Hồ Chí Minh nêu ý kiến rằng, ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam hoàn thành thắng lợi, “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”¹. Khi viết về tư cách của đảng chân chính cách mạng trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh nêu lên 12 điều, trong đó có điều 9: “Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái”² và điều số 10: “Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hư hoá ra ngoài”³. Nếu thực hiện được như thế, Đảng sẽ luôn luôn lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Đoàn kết trong Đảng là điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đoàn kết, thống nhất trong Đảng trước hết là trong cấp uỷ, trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt; đoàn kết trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, trên cơ sở cương lĩnh, đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân tộc ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”⁴.

Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của toàn thể dân tộc Việt Nam. Vấn đề mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản - Giai cấp công nhân - Nhân dân Việt Nam là mối quan hệ khăng khít, máu thịt. Mỗi một thành tố đều có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng tất cả những thành tố đó cũng như sự hoạt động, sự tương tác của chúng đều có tính hướng đích: Độc lập dân tộc và với chủ nghĩa xã hội, xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, và theo ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh là ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, cũng như theo mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh đã ghi trong *Di chúc*: Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam “không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra”⁵. Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, của nhân dân thì Đảng không có bất kỳ lợi ích nào khác. Đó là mục đích, lý tưởng cao cả không bao giờ thay đổi trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần phê bình những cán bộ, đảng viên “vác mặt quan cách mạng” xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Hồ Chí Minh ý thức

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.616, 290.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.616, 290.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.290.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.611.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.303.

được rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất thiết phải là hiện thân của văn hóa dân tộc vì Đảng là đội tiên phong không những của giai cấp công nhân mà còn là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng viên không được cứ ăn cổ đi trước, lội nước đi sau; không phải cứ dán lên trán hai chữ “cộng sản” là dân tin, dân yêu, dân kính, dân phục, mà phải trong công tác hằng ngày cố gắng học dân, làm cho dân tin, tức là coi trọng chữ TÍN - dân tin Đảng và Đảng tin dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như lơ lửng giữa trời, nhất định sẽ thất bại. Mất lòng tin là mất tất cả. Hướng vào việc phục vụ dân - đó chính là yêu cầu của Hồ Chí Minh đối với Đảng. Đồng thời, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Đảng “học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng”¹, phải chú ý nâng cao dân chúng.

Đoàn kết quốc tế.

Đảng phải chú trọng giữ vững và tăng cường mối quan hệ quốc tế trong sáng. Điều này xuất phát từ tính chất quốc tế của giai cấp công nhân mà C.Mác, Ph. Ăngghen, V.I.Lênin đã nhiều lần đề cập. Đối với nguyên tắc này, Hồ Chí Minh coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới và trong *Di chúc*, Người mong Đảng “sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”².

c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Hồ Chí Minh lưu ý phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa có đức vừa có tài, trong sạch, vững mạnh. Người đề cập những yêu cầu chủ yếu sau đây đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên;

Phải tuyệt đối trung thành với Đảng.

Cán bộ, đảng viên phải tuyệt đối trung thành với Đảng, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của cách mạng, vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, những người “đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết, vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc. Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau... Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng”³.

Phải là những người nghiêm chỉnh thực hiện cương lĩnh, đường lối quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng.

Cán bộ, đảng viên phải là những người nghiêm chỉnh thực hiện cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước. Luôn chấp hành tốt và vận động tuyên truyền cho những người xung quanh thực hiện tốt những đường lối, chủ trương đó. Không chỉ vậy, cần phải

¹Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.333.

²Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.613.

³Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t5, tr.290-291.

nghiêm chỉnh thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng trên các lĩnh vực: tư tưởng, lý luận, chính trị, tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ và đạo đức.

Phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng.

Cán bộ, đảng viên với chức trách là những người phục vụ nhân dân, làm “công bộc”, làm “đầy tớ” cho dân, do đó phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện trau dồi đạo đức cách mạng. Phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; tận tụy, tận trung với nước, tận hiếu với dân; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, “thắng không kiêu, bại không nản”; phải thường xuyên tự phê bình và phê bình để giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng và năng lực công tác.

Phải luôn luôn học tập nâng cao trình độ về mọi mặt

Cán bộ, đảng viên chỉ với lòng nhiệt tình thì chưa đủ. Yêu cầu tối thiểu của đội ngũ cán bộ, đảng viên phải biết công việc của mình, do đó, phải được đào tạo và tự mình phải luôn luôn học tập không ngừng nghỉ, học mọi lúc, mọi nơi, học tập suốt đời để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Học ở trường, học ở trong cuộc sống, trong công tác, học ở thầy, ở bạn... Hồ Chí Minh chính là con người điển hình của tự học, tự nghiên cứu.

Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Phải làm đầy tớ thật trung thành cho nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tiên phong, gương mẫu, chịu khổ trước nhân dân và vui sau nhân dân, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

Phải luôn luôn chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo.

Không bao giờ thụ động, không bao giờ lười biếng mà phải là những người “thắng không kiêu bại không nản”, luôn luôn có tinh thần sáng tạo, hăng hái, nêu cao trách nhiệm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân.

Phải là những người luôn luôn phòng và chống các tiêu cực

Trong việc phòng và chống các tiêu cực, phải đặc biệt phòng và chống tham ô, lãng phí, quan liêu mà Hồ Chí Minh cho đó là giặc nội xâm, là những kẻ địch bên trong, thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm.

Hồ Chí Minh là người chỉ ra rất sớm, nêu rõ những tiêu cực của cán bộ, đảng viên và chỉ rõ những giải pháp khắc phục. Có thể đề cập sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên trên nhiều mặt: Về tư tưởng chính trị, về đạo đức, lối sống, v.v. Nhưng, điều thường thấy nhất và trực tiếp nhất là Hồ Chí Minh đề cập là về đạo đức, lối sống, về tinh thần trách nhiệm trong công việc. Hồ Chí Minh nghiêm khắc chỉ rõ: “Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nên, ai không phạm những lầm lỗi .thì nên chú ý tránh đi, và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi thì phải hết sức sửa chữa. Chúng ta phải ghi sâu những chữ “công bình, chính trực” vào lòng”¹. Hồ Chí Minh còn cho rằng, một đảng giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng, “Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng

¹Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.66.

phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, đề tiến bộ, và đề dạy bảo cán bộ và đảng viên”¹.

Trong các quan điểm của Hồ Chí Minh, có những vẻ làm thành chỉnh thể, đó là những đức tính: Nghiêm khắc và độ lượng; kỷ luật và khoan hòa; phòng đi trước và đi liền với chống; xử lý ba mối quan hệ đối với người, đối với việc và đối với mình đều trên cơ sở vừa có lý vừa có tình; có tấm lòng bao dung đi liền với xử lý một cách đúng người, đúng tội, đúng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bất kể người đó là ai, đảng viên thường hay là đảng viên là cán bộ giữ những chức vụ thấp hoặc cao trong bộ máy của Đảng, Nhà nước cũng như trong bộ máy của hệ thống chính trị nói chung. Ở bài báo trong những tháng cuối cùng của cuộc đời Hồ Chí Minh là bài *"Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"* (đăng báo *Nhân Dân*, số 5409, ngày 3-2-1969), Người vẫn dành nhiều ý về vấn đề tư cách, đạo đức, chống sự suy thoái trong cán bộ, đảng viên. Sau khi nêu lên ưu điểm của đảng viên, Hồ Chí Minh chỉ ra "còn một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém". Những người này mang nặng chủ nghĩa cá nhân, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết; ngại gian khổ, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa; tham danh, trục lợi, thích địa vị, quyền hành; coi thường tập thể, xem khinh quần chúng; độc đoán, chuyên quyền; mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh; không chịu học tập đề tiến bộ; mất đoàn kết, thiếu tinh tổ chức, kỷ luật; kém tinh thần trách nhiệm; không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác cán bộ, vì Người cho rằng: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, đề đặt chính sách cho đúng”²; cán bộ là gốc của mọi công việc, “muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”³. Trong công tác cán bộ, Hồ Chí Minh yêu cầu: Phải hiểu và đánh giá đúng cán bộ; phải chú trọng huấn luyện cán bộ, huấn luyện một cách thiết thực, có hiệu quả; phải đề bạt đúng cán bộ; phải sắp xếp, sử dụng cán bộ cho đúng; phải kết hợp “cán bộ cấp trên phái đến và cán bộ địa phương”⁴; phải chống bệnh địa phương cục bộ; phải kết hợp cán bộ trẻ với cán bộ cũ; phải phòng và chống các tiêu cực trong công tác cán bộ; phải thường xuyên kiểm tra, giúp đỡ cán bộ.

4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

4.2.1. Nhà nước dân chủ

a. Bản chất giai cấp của nhà nước

Nhà nước là một phạm trù lịch sử, nó chỉ ra đời và tồn tại khi giai cấp và đấu tranh giai cấp xuất hiện. Do đó, Nhà nước là sản phẩm tất yếu của một xã hội có giai cấp, nó bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định, không có

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 5, tr.290.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.309.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.280.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.276.

nhà nước nào là phi giai cấp, không có nhà nước đứng trên giai cấp.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam là nhà nước dân chủ, nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “Nhà nước toàn dân”, hiểu theo nghĩa là nhà nước phi giai cấp. Nhà nước ở đâu và bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. Nhà nước Việt Nam mới - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam thể hiện trên mấy phương diện:

- *Một là, Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam vị trí và vai trò cầm quyền.*
Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Ngay trong quan điểm về nhà nước dân chủ, nhà nước do nhân dân là người chủ nắm Chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh công - nông - trí, do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng cầm quyền bằng phương thức thích hợp sau đây: (1) Bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch; (2) Bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước; (3) Bằng công tác kiểm tra.

- *Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước.* Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cách mạng nhất quán của Hồ Chí Minh. Việc giành lấy chính quyền, lập nên Nhà nước Việt Nam mới, chính là để giai cấp công nhân và nhân dân lao động có được một tổ chức mạnh mẽ nhằm thực hiện mục tiêu nói trên.

- *Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ.* Hồ Chí Minh rất chú ý đến cả hai mặt dân chủ và tập trung trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy cơ quan nhà nước. Người nhấn mạnh đến sự cần thiết phải phát huy cao độ dân chủ đồng thời cũng nhấn mạnh phải phát huy cao độ tập trung, Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc

Trong Nhà nước Việt Nam, *bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc.* Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Trong tư tưởng của Người về nhà nước mới ở Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:

- *Một là, Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc.* Từ giữa thế kỷ XIX, khi các nước bị ngoại xâm, các tầng lớp nhân dân Việt Nam, hết thế hệ này đến đến thế hệ khác đã không quản hy sinh xương máu chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với chiến lược đại đoàn kết đúng đắn, sức mạnh của toàn dân tộc đã được tập hợp và phát huy cao độ, chiến thắng ngoại

xâm, giành lại độc lập, tự do, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhà nước Việt Nam mới, do vậy không phải của riêng giai cấp, tầng lớp nào, mà là thuộc về nhân dân.

- Hai là, *Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng*. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Nhà nước Việt Nam mới là người đại diện, bảo vệ, đấu tranh không chỉ cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

- Ba là, *trong thực tế, Nhà nước mới ở Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó*. Tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đi đến chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định, cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước.

b. Nhà nước của nhân dân

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nhà nước của nhân dân là xác lập tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Người khẳng định: “Trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”¹. Nhà nước của dân tức là “dân là chủ”. Nguyên lý “dân là chủ” khẳng định địa vị chủ thể tối cao của mọi quyền lực là nhân dân.

Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất.

Cùng với dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp hay dân chủ đại diện là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:

Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân

Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác do. Do vậy, các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ của nó đều là “công bộc” của nhân dân, nghĩa là “gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”². Ở đây, Hồ Chí Minh đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa nhân dân với cán bộ nhà nước trên cơ sở nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Theo Hồ Chí Minh: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, Bộ trưởng, thứ trưởng, uỷ viên này uỷ viên khác là làm gì? Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.8, tr.262

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.64-65.

dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”¹; “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”². Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán những cán bộ nhà nước thoái hóa, biến chất, từ chỗ là công bộc của dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cậy thế” với dân, “quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”.

Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên.

Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo cho mọi quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước, luôn nằm trong tay dân chúng. Một nhà nước thật sự của dân, theo Hồ Chí Minh, luôn “mong đồng bào giúp đỡ đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”³; trong Nhà nước đó, “nhân dân có quyền, bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”⁴.

Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong Nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của các chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của dân chúng. Luật pháp đó là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

c. Nhà nước do nhân dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước do nhân dân trước hết là nhà nước do nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân “cử ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết...

Nhà nước do nhân dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. Người khẳng định rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”³. Nếu “dân là chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là người chủ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”², Nhân dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc...

Trong nhà nước do nhân dân làm chủ, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình. Người yêu cầu cán bộ đảng viên phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, tr.572.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr.434.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, tr.81.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12, tr.375.

Nhà nước do nhân dân cần coi trọng việc giáo dục nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”¹. Không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của nhân dân, cũng không chỉ đưa nhân dân tham gia công việc nhà nước, mà còn chuẩn bị và động viên nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ, quan điểm đó thể hiện tư tưởng dân chủ triệt để của Hồ Chí Minh khi nói về nhà nước do nhân dân.

d. Nhà nước vì dân

Nhà nước vì dân là nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, ngoài ra không có bất kỳ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước trong sạch, cần kiệm liêm chính, không có bất kỳ một đặc quyền đặc lợi nào. Hồ Chí Minh là một vị Chủ tịch vì dân và Người yêu cầu các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước đều phải vì nhân dân phục vụ. Người nói: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”¹. Theo Hồ Chí Minh, thước đo một Nhà nước vì dân là phải được lòng dân. Hồ Chí Minh đặt vấn đề với cán bộ Nhà nước phải “làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu”, đồng thời chỉ rõ: “muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư”². Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đầy tớ, nhưng đồng thời phải vừa là người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở người cán bộ nhà nước vì dân. Là đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài.

Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải gồm đủ cả đức và tài, phải vừa hiền lại vừa minh. Phải như thế thì mới có thể “chẳng những làm những việc trực tiếp có lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua như là hại đến dân”³, nhưng thực chất là vì lợi ích toàn cục, vì lợi ích lâu dài của nhân dân.

4.2.2. Nhà nước pháp quyền

a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp

Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội. Điều này thể hiện trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* của nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp do Người thay mặt nhóm gửi đến hội nghị Versailles (Pháp) năm 1919. Bản Yêu sách đó nêu ra yêu cầu “cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách làm cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những bảo đảm về mặt pháp luật như người Âu châu; xoá

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.21.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr. 52.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.285.

bỏ hoàn toàn các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam”; “*Thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*”¹.

Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc đảm bảo cho nhà nước được tổ chức và vận hành phù hợp với pháp luật đồng thời, căn cứ vào pháp luật để điều hành xã hội, làm cho tinh thần pháp quyền thâm sâu và điều chỉnh mọi quan hệ và hoạt động trong Nhà nước và xã hội.

Chính vì thế, chỉ một ngày sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (ngày 3-9-1945), Hồ Chí Minh đã đề nghị “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TÔNG TUYÊN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu”² để lập nên Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy hợp hiến, thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân như vậy thì nước ta mới có cơ sở pháp lý vững chắc để làm việc với quân Đồng Minh, mới có quan hệ quốc tế bình đẳng, mới thiết lập được một cơ chế quyền lực hợp pháp theo đúng thông lệ của một Nhà nước pháp quyền hiện đại.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6-1-1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam châu Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo... đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình tham gia Quốc hội. Ngày 2-3-1946 Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

b. Nhà nước thượng tôn pháp luật

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng Hiến pháp và bằng pháp luật nói chung. Muốn vậy, trước hết, cần làm tốt công tác lập pháp. Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng hệ thống luật pháp dân chủ, hiện đại. Ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã hai lần tham gia vào quá trình lãnh đạo soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959), đã ký lệnh công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh trong đó có 243 sắc lệnh quy định về tổ chức Nhà nước và pháp luật, và nhiều văn bản dưới luật khác. Trong bối cảnh đất nước phải vừa kháng chiến, vừa kiến quốc vô cùng khó khăn, sự ra đời của hệ thống luật pháp như trên thể hiện rất rõ nỗ lực của Hồ Chí Minh và Nhà nước Việt Nam trong công tác lập pháp.

Cùng với công tác lập pháp, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, bảo đảm cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, tr.441.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.7.

Hồ Chí Minh chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng luật của người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong nhân dân. Pháp luật là công cụ quyền lực của nhân dân, vì thế điều quan trọng là phải “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”¹. Người cho rằng, công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt cho thế hệ trẻ trở nên cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền, bảo đảm mọi quyền và nghĩa vụ công dân được thực thi trong cuộc sống. Việc thực thi pháp luật có quan hệ rất lớn đến trình độ dân trí của nhân dân, vì vậy, Hồ Chí Minh chú trọng đến vấn đề nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân, làm cho nhân dân có ý thức chính trị trong việc tham gia công việc của chính quyền các cấp.

Hồ Chí Minh luôn *nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật*. Người tuyên bố: “Pháp luật Việt Nam tuy khoan hồng với những người biết cải tà quy chính, nhưng sẽ thẳng tay trừng trị những tên Việt gian đầu sỏ đã bán nước buôn dân”². Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và phải đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thật sự công tâm và nghiêm minh, v.v... Người phê phán những hiện tượng thể hiện tính thiếu nghiêm minh của pháp luật, như “thường có khi quá rộng, mà phạt thì không nghiêm”³, lẫn lộn giữa công và tội.

Hồ Chí Minh luôn luôn khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Nhà nước, giám sát quá trình Nhà nước thực thi pháp luật, đồng thời không ngừng nhắc nhở cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp. Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật đã trở thành nề nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh.

c. Pháp quyền nhân nghĩa

“Pháp quyền nhân nghĩa” tức là trước hết Nhà nước phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện, đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích của mọi người; Tiếp thu và vận dụng sáng tạo các lý thuyết hiện đại về quyền con người, Hồ Chí Minh tiếp cận quyền con người một cách toàn diện. Người đề cập đến các quyền tự nhiên của con người, trong đó quyền cao nhất là quyền sống; đồng thời cũng đề cập đến cả các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Người chú trọng quyền của công dân nói chung, đồng thời cũng chú trọng đến quyền của những nhóm người cụ thể như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số... Sự nghiệp cách mạng chân chính cần đấu tranh cho quyền con người, vì thế, mục tiêu giải phóng con người, làm cho mọi người có được cuộc sống hạnh phúc, tự do xứng với phẩm giá con người, được hưởng dụng các quyền con người một cách đầy đủ nhất đã hòa quyền một cách hữu cơ và trở thành mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời và luôn nhất quán quan điểm kiên quyết đấu tranh cho quyền con người. Hiến pháp của đất nước đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở Việt Nam. Đó là

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.293

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6, tr.49.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr.225.

nền tảng pháp lý để bảo vệ và thực thi các quyền con người đó một cách triệt để.

Trong pháp quyền nhân nghĩa, pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện. Cho nên ngay khi thành lập, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lập tức tuyên bố xoá bỏ mọi luật pháp hà khắc của chính quyền thực dân phản động. Tính nhân văn của hệ thống luật pháp thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người; ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng, tuyệt đối không đối xử với con người một cách dã man. Ngay cả đối với những kẻ phản bội Tổ quốc Hồ Chí Minh tuyên bố rõ: “Chính phủ Việt Nam sẽ tha thứ hay trừng trị họ theo luật pháp tùy theo thái độ của họ hiện nay và về sau. Nhưng sẽ không có ai bị tàn sát”¹. Đặc biệt, hệ thống luật pháp đó có tính khuyến thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hóa, thức tỉnh con người làm căn bản. Với Hồ Chí Minh việc xây dựng và thi hành pháp luật phải dựa trên nền tảng đạo đức của xã hội và các giá trị đạo đức thấm sâu vào trong mọi quy định của pháp luật. Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh

a. Kiểm soát quyền lực nhà nước

Để giữ vững bản chất của Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước hoạt động có hiệu quả, phòng chống thoái hóa, biến chất trong đội ngũ cán bộ Nhà nước, Hồ Chí Minh rất chú trọng vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, *kiểm soát quyền lực nhà nước là tất yếu*. Các cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước, dù ít hay nhiều đều nắm giữ quyền lực trong tay. Quyền lực này là do nhân dân ủy thác cho. Nhưng một khi đã nắm giữ quyền lực, cơ quan nhà nước hay cán bộ nhà nước đều có thể trở nên lạm quyền. Người chỉ rõ: “dân ghét các ông chủ tịch, các ông ủy viên vì cái tật ngông nghênh, cậy thế, cậy quyền. Những ông này không hiểu nhiệm vụ và chính sách của Việt Minh, nên khi nắm được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng”². Vì thế để đảm bảo tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân, cần kiểm soát quyền lực nhà nước.

Về hình thức kiểm soát quyền lực Nhà nước, theo Hồ Chí Minh, trước hết, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc, là Đảng cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội, chính vì vậy, Đảng có quyền và có trách nhiệm kiểm soát quyền lực Nhà nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân”³. Để kiểm soát có kết quả tốt, theo Hồ Chí Minh cần có hai điều kiện là việc kiểm soát phải có hệ thống và người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Người còn nêu rõ hai cách kiểm soát là từ trên xuống và từ dưới lên. Người nhấn mạnh, phải “khéo kiểm soát”.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6, tr.437.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.51

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.14, tr.362.

Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước dựa trên cách thức tổ chức bộ máy nhà nước và việc phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước bước đầu cũng đã được Hồ Chí Minh đề cập đến. Hiến pháp năm 1946 do Hồ Chí Minh ghi rõ một số hình thức kiểm soát bên trong Nhà nước, trong đó nổi bật là kiểm soát của Nghị viện nhân dân đối với Chính phủ, chẳng hạn, Nghị viện nhân dân có quyền “Kiểm soát và phê bình Chính phủ”, “Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức”...

Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước, vì thế, nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực Nhà nước. Đây là hình thức được Hồ Chí Minh đề cập rất cụ thể. Người nhấn mạnh: “Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”¹. Đảng cầm quyền cần chú ý phát huy vai trò kiểm soát quyền lực của nhân dân, bởi so với số nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu, hàng trăm người dân mới có một đảng viên. Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết. Đối với Nhà nước, là công bộc của dân, “mọi công tác phải dựa hẳn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra”².

b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam, Hồ Chí Minh thường nói đến những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục.

Đặc quyền, đặc lợi. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời đề vơ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình, làm như thế tức là sa vào chủ nghĩa cá nhân.

Tham ô, lãng phí, quan liêu. Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng”, thứ giặc nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Người thường phê bình những người “lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức”³. Quan điểm của Hồ Chí Minh là: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến... Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”⁴. Ngày 27-11-1946, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26-1-1946, Hồ Chí Minh ký lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp đến mức cao nhất là tử hình.

Lãng phí là một căn bệnh mà Hồ Chí Minh lên án gay gắt. Chính bản thân Người luôn làm gương, tích cực thực hành chống lãng phí trong cuộc sống và công việc hằng ngày. Người quý trọng từng đồng xu, bát gạo do dân đóng góp cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Lãng phí ở đây được Hồ Chí Minh xác định là lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của. Chống lãng phí là biện pháp để tiết kiệm, là quốc sách của mọi quốc gia.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.325.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.8, tr.507.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.65

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr.357-358.

Bệnh quan liêu không những có ở cấp trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện mà còn có ngay ở cả cấp cơ sở. Hồ Chí Minh phê bình những người và các cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đi sâu từng vấn đề. Bệnh quan liêu làm cho chúng ta chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn... thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... Thế là bệnh quan liêu đã áp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, đây là bệnh gốc sinh ra các bệnh tham ô, lãng phí; muốn trừ sạch bệnh tham ô, lãng phí thì trước hết phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

“Tư túng”, “chia rẽ”, “kiêu ngạo”. Những căn bệnh trên gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh kịch liệt lên án tệ kéo bè, kéo cánh, tệ nạn bà con bạn hữu mình không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Trong chính quyền, còn hiện tượng gây mất đoàn kết, không biết cách làm cho mọi người hoà thuận với nhau còn có người “bệnh vực lớp này, chống lại lớp khác”. Ngoài bệnh cây thế có người còn kiêu ngạo, “tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi... cứ chỉ lúc nào cũng vác mặt “quan cách mạng”, làm mất uy tín của Chính phủ.

Để tìm ra biện pháp phòng, chống tiêu cực trong bộ máy nhà nước, Hồ Chí Minh đã dày công luận giải nguyên nhân nảy sinh tiêu cực. Những nguyên nhân này được Hồ Chí Minh tiếp cận rất toàn diện. Trước hết là nguyên nhân chủ quan, bắt nguồn từ căn “bệnh mẹ” là chủ nghĩa cá nhân, tự sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện của bản thân cán bộ. Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khách quan, từ gần đến xa, là do công tác cán bộ của Đảng và nhà nước chưa tốt; do cách tổ chức, vận hành trong đảng, trong nhà nước, sự phối hợp giữa đảng với nhà nước chưa thật sự khoa học, hiệu quả; do trình độ phát triển còn thấp của đời sống xã hội; do tàn dư của những chính sách phản động của chế độ thực dân, phong kiến; do âm mưu chống phá của các lực lượng thù địch... Các nguyên nhân này không tồn tại biệt lập với nhau, mà có sự kết hợp với nhau, tiến công vào đội ngũ cán bộ. Nếu Đảng và nhà nước không có biện pháp phòng, chống tốt, không có chính sách bảo vệ cán bộ một cách có hiệu quả, thì nguy cơ mất cán bộ là rất lớn.

Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước là nhiệm vụ hết sức khó khăn. Trong nhiều tác phẩm khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều biện pháp khác nhau. Khái quát lại, có thể thấy nổi bật một hệ thống biện pháp cơ bản như sau:

Một là, nâng cao trình độ dân chủ trong xã hội, thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy quyền làm chủ của nhân dân đó là giải pháp căn bản và có ý nghĩa lâu dài.

Hai là, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra phải thường xuyên. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc và tự giác tuân thủ pháp luật, kỷ luật. Đối với những kẻ thoái hóa, biến chất, pháp luật phải “Thăng

tay trừng trị, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Trong nhà nước “trăm đều phải có thần linh pháp quyền” thì tuyệt nhiên không có bất cứ vùng cấm nào.

Ba là, phạt nghiêm minh, nghiêm khắc, đúng người đúng tội là cần thiết, song việc gì cũng xử phạt thì lại không đúng, cần coi trọng giáo dục, lấy giáo dục, cảm hóa làm chủ yếu. Chỉ có như vậy mới làm cho cái tốt trong mỗi người nảy nở như hoa mùa xuân và cái xấu mất dần đi. Trong giáo dục cán bộ, phải coi trọng giáo dục đạo đức, xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức của người cầm quyền, khơi dậy lương tâm trong mỗi con người. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút.

Bốn là, cán bộ phải đi trước làm gương, cán bộ giữ chức vụ càng cao, trách nhiệm nêu gương càng lớn. Cán bộ, người đứng đầu có ý thức nêu gương tu dưỡng đạo đức, chống tiêu cực, sẽ có tác động rất mạnh mẽ đến cấp dưới, đến nhân dân, góp phần tạo nên những đức tính tốt trong nhân dân. Đây là một nét đặc sắc trong văn hoá chính trị Việt Nam.

Năm là, phải huy động sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước vào cuộc chiến chống lại tiêu cực trong con người, trong xã hội và trong bộ máy Nhà nước. Bất kỳ người Việt Nam nào có lòng tự hào, tự tôn dân tộc, thì dù là người dân bình thường, hay cán bộ, đảng viên, thì đều phải có trách nhiệm tu dưỡng và thực hành đạo đức cách mạng.

4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước

4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh

Trong giai đoạn cách mạng mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, dân tộc ta đang đứng trước nhiều thời cơ, vận hội, nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Vai trò lãnh đạo của Đảng càng phải được khẳng định, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cần được nâng cao hơn bao giờ hết để ngang tầm với các yêu cầu, nhiệm vụ mà lịch sử dân tộc giao phó. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng trên tất cả các mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và lối sống, làm cho Đảng thật sự trong sạch. Cụ thể, chúng ta cần phải thực hiện những vấn đề sau:

Phải đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn. Sai một ly thì đi một dặm, đó là tầm quan trọng của đường lối, chủ trương của Đảng. Đường lối, chủ trương này phải dựa trên nền tảng lý luận Mác - Lênin sáng tạo và tư tưởng Hồ Chí Minh; phải phù hợp với hoàn cảnh của đất nước từng giai đoạn, thời kỳ.

Phải tổ chức thực hiện thật tốt đường lối, chủ trương của Đảng.

Phải thể chế hóa và phải biến thành hành động tích cực nhất của tất cả các tổ chức của hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt quan trọng là thực thi và phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chiến lược, đặc biệt quan trọng nữa là người đứng đầu phải nêu cao trách nhiệm làm gương tốt để mọi người noi theo.

Phải chú trọng hơn nữa công tác chỉnh đốn Đảng.

Sự nghiệp cách mạng nói chung và sự nghiệp đổi mới đất nước có thành công hay không hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng, trong đó có sự trong sạch của bản thân Đảng. Thường xuyên chỉnh đốn nội bộ để Đảng xứng đáng là người cầm quyền, để đảng viên luôn xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Phải làm cho Đảng luôn là “đạo đức”, “văn minh” như Hồ Chí Minh đã nêu. Cái thiếu nhất hiện nay là sự thống nhất giữa nói và làm trong Đảng. Phải quán triệt sâu sắc hơn nữa trong Đảng tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh về thống nhất giữa nói và làm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để Đảng sử dụng và phát huy tốt quyền lực do dân giao phó nhằm phục vụ sự phát triển của dân tộc, đưa đất nước tiến những bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cho đất nước hùng cường, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc như tiêu đề mà Hồ Chí Minh đã viết trong các văn bản hành chính.

Những sinh viên đang là đảng viên của Đảng cần chú trọng thực hiện thật tốt đường lối, quan điểm, chủ trương, điều lệ Đảng, phải là công dân gương mẫu và là sinh viên tốt. Những sinh viên chưa là đảng viên cần nghiên cứu, học tập thật tốt tư tưởng Hồ Chí Minh, phấn đấu trở thành đảng viên hoặc người tích cực ủng hộ Đảng, góp phần đưa nước nhà sánh vai với các cường quốc năm châu, như Hồ Chí Minh đã viết trong Thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tháng 9-1945.

4.3.2. Xây dựng Nhà nước

Phải xây dựng Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh.

Cần đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước, Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

Phải xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cơ quan. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương, địa phương và mỗi cấp chính quyền địa phương.

Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng phải tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ công chức. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp để thực thi đầy đủ trách nhiệm công vụ, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Đồng thời, cần thực hiện công khai, minh bạch và có hiệu quả các cơ chế, chính sách đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ và các chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

Kiên toàn bộ máy hành chính nhà nước

Cần chú trọng cải cách và xây dựng, kiên toàn bộ máy hành chính nhà nước, đảm bảo một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh. Muốn vậy, phải đẩy mạnh cải cách nền hành chính theo hướng dân chủ, trong sạch, vững mạnh, phục vụ đắc lực và có hiệu quả đối với nhân dân. Kiên quyết khắc phục thói quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà, sách nhiễu, tham nhũng, bộ máy chồng chéo, kém hiệu quả, sa sút phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực thực hành nhiệm vụ công chức kém cỏi.

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay còn cần cải cách thủ tục hành chính; đề cao trách nhiệm cá nhân trong việc giải quyết các khiếu kiện của công dân theo đúng những quy định của pháp luật; tiêu chuẩn hóa cũng như sắp xếp lại đội ngũ công chức, xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức vừa có đức, vừa có tài, tinh thông chuyên môn, nghiệp vụ. Do vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức phải được đặt lên hàng đầu và phải được tiến hành thường xuyên, bảo đảm chất lượng.

Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ pháp luật. Bản chất, tính chất của Nhà nước gắn liền với vai trò, trách nhiệm của Đảng cầm quyền, do đó, đến lượt Đảng, một tiền đề tất yếu được đặt ra là sự trong sạch, vững mạnh của Đảng là yếu tố quyết định cho sự thành công của việc xây dựng Nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

Câu 1. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Đảng Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam. Để góp phần xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay, chúng ta cần phải làm gì?

Câu 2. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Liên hệ với thực tiễn cách mạng nước ta.

Câu 3. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng Cộng sản. Để góp phần xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay, chúng ta cần phải làm gì?

Câu 4. Vì sao Hồ Chí Minh quan niệm xây dựng Đảng là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng? Chúng ta cần phải làm gì để xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay trong sạch, vững mạnh?

Câu 5. Tại sao nói: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam? Liên hệ thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Câu 6. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Hiến pháp và pháp luật trong hoạt động quản lý của nhà nước. Trong giai đoạn hiện nay để tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật và đưa pháp luật vào cuộc sống, Việt Nam cần phải làm gì?

Câu 7. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng. Nêu một số giải pháp để thực hiện hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này.

Câu 8: Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Ý nghĩa thực tiễn của tư tưởng này đối với xây dựng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc

5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc

Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

Nhìn lại lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, đoàn kết luôn là truyền thống quý báu, nguồn sức mạnh, động lực quan trọng, nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Khái quát lịch sử dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói rõ: “Sử dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”¹. Chính vì thế trong tư tưởng của Người, đại đoàn kết toàn dân tộc không phải sách lược hay thủ đoạn chính trị mà là chiến lược lâu dài, nhất quán của cách mạng Việt Nam. Đây là vấn đề mang tính sống còn của dân tộc Việt Nam nên chiến lược này được duy trì cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp đại đoàn kết có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng khác nhau song không bao giờ được thay đổi chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc, vì đó là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng.

Từ thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã khái quát thành nhiều luận điểm mang tính chân lý về vai trò và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”, “Bây giờ có một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết”². Và Người đã đi đến kết luận:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

*Thành công, thành công, đại thành công”*³.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng. Đại đoàn kết là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng bởi nếu không đoàn kết thì chính họ sẽ thất bại trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của chính mình. Vì thế đối với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu chiến lược mà còn là mục tiêu lâu dài của cách mạng. Để thực hiện mục tiêu này, đại đoàn kết toàn dân tộc phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong lời kết thúc buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Mục đích của Đảng

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3 tr.256.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.8, tr.392.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, tr.607.

Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”¹.

5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là toàn thể nhân dân Việt Nam

Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của dân tộc đảm bảo thắng lợi cho công cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Do đó chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, theo Hồ Chí Minh phải bao gồm toàn thể nhân dân, tất cả những người Việt Nam yêu nước ở các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội, các ngành, các giới, các lứa tuổi, các dân tộc, đồng bào các tôn giáo, các đảng phái... “Nhân dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa được hiểu với nghĩa là con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân và cả hai đều là *chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc*. Nói đại đoàn kết toàn dân tộc tức là phải tập hợp, đoàn kết được tất cả mọi người dân vào một khối thống nhất, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, ở trong nước hay ở ngoài nước cùng hướng vào mục tiêu chung, “ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”. Từ “ta” ở đây là chủ thể, vừa là Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, vừa là mọi người dân Việt Nam nói chung.

Khối đại đoàn kết toàn dân phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc để tập hợp lực lượng, không bỏ sót một lực lượng nào miễn là họ có lòng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, không phản bội lại quyền lợi của nhân dân. Tư tưởng của Người đã định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Đại đoàn kết dân tộc là đoàn kết toàn dân nhưng phải xác định được nền tảng của khối đoàn kết ấy. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền, gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”² Như vậy, lực lượng làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo quan điểm của Hồ Chí Minh là công nhân, nông dân và trí thức. Nền tảng này càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng có thể mở rộng, khi ấy không có thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phải đặc biệt chú trọng yếu tố “hạt nhân” là sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng vì đó là điều kiện cho sự đoàn kết ngoài xã hội. Sự đoàn kết của Đảng càng được củng cố thì sự đoàn kết toàn dân

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6, tr.183.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr.438.

tộc càng được tăng cường. Đảng đoàn kết, dân tộc đoàn kết và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân đã tạo nên sức mạnh bên trong của cách mạng Việt Nam để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù, đi tới thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

5.1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, tập hợp được mọi giai cấp, tầng lớp cần phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

Một là, phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc. Truyền thống này được hình thành, củng cố và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc và đã trở thành giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng thiên tai địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

Thứ hai, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người. Theo Hồ Chí Minh, trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu... Cho nên, vì lợi ích của cách mạng, cần phải có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi người, có vậy mới tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng. Người từng căn dặn đồng bào: “Năm ngón tay cũng có ngón ngắn, ngón dài. Nhưng vẫn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này hay thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang”¹.

Ba là, phải có niềm tin vào Nhân dân. Với Hồ Chí Minh, yêu dân, tin dân, dựa vào dân và phấn đấu vì hạnh phúc của Nhân dân là nguyên tắc tối cao trong cuộc sống. Nguyên tắc này vừa là sự tiếp nối truyền thống dân tộc “Nước lấy dân làm gốc”, “Chở thuyền và lật thuyền cũng là dân”, đồng thời là sự quán triệt sâu sắc nguyên lý mácxít “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Dân là chỗ dựa vững chắc đồng thời cũng là nguồn sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyết định thắng lợi của cách mạng. Vì vậy, muốn thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, phải có niềm tin vào Nhân dân.

5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất

a. *Mặt trận dân tộc thống nhất*

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc chỉ trở thành lực lượng to lớn, có sức mạnh khi được tập hợp, tổ chức lại thành một khối vững chắc, đó là Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.280-281.

nước, tập hợp mọi người dân nước Việt, cả trong nước và kiều bào sinh sống ở nước ngoài. Hồ Chí Minh rất chú trọng đến việc tập hợp quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp như các hội ái hữu hay tương trợ, công hội hay nông hội, đoàn thanh niên hay hội phụ nữ, đội thiếu niên nhi đồng hay phụ lão, hội Phật giáo cứu quốc, Công giáo yêu nước hay những nghiệp đoàn... trong đó bao trùm là Mặt trận dân tộc thống nhất.

Tùy theo từng thời kỳ và căn cứ vào nhiệm vụ của từng chặng đường cách mạng, Mặt trận dân tộc thống nhất có những tên gọi khác nhau như: Hội Phản đế đồng minh (1930), Mặt trận dân chủ (1936), Mặt trận nhân dân phản đế (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1951), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955, 1976)... Tuy nhiên, thực chất chỉ là một, đó là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức, cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất cần được xây dựng và hoạt động trên cơ sở bốn nguyên tắc:

Một là, phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân – trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Mặt trận dân tộc thống nhất là một khối đoàn kết chặt chẽ, có tổ chức trên nền tảng khối liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó để mở rộng Mặt trận, làm cho Mặt trận thực sự quy tụ được cả dân tộc, kết thành một khối vững chắc. Người chỉ rõ rằng, sở dĩ phải lấy liên minh công nông làm nền tảng “vì họ là người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống. Vì họ đông hơn hết, mà cũng bị áp bức bóc lột nặng nề hơn hết. Vì chí khí cách mạng của họ chắc chắn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác”¹. Người căn dặn, không nên chỉ nhấn mạnh vai trò của công nông, mà còn phải thấy vai trò và sự cần thiết phải liên minh với các giai cấp khác, nhất là với đội ngũ trí thức.

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận. Hoạt động của Mặt trận cần đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng vì Đảng không có lợi ích riêng, mà gắn liền với lợi ích toàn xã hội, toàn dân tộc và chỉ có Đảng vừa đạo đức, vừa văn minh mới đủ khả năng lãnh đạo Mặt trận. Đảng lãnh đạo đối với Mặt trận thể hiện ở khả năng nắm bắt thực tiễn, phát hiện ra quy luật khách quan sự vận động của lịch sử để vạch đường lối và phương pháp cách mạng phù hợp, lãnh đạo Mặt trận hoàn thành nhiệm vụ của mình là đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Hai là, phải xuất phát từ mục tiêu vì nước, vì dân.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết phải xuất phát từ mục tiêu vì

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12, tr.417.

nước, vì dân trên cơ sở yêu nước, thương dân, chống áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu. Người cho rằng, nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì. Vì vậy, đoàn kết phải lấy lợi ích tối cao của dân tộc, lợi ích căn bản của nhân dân lao động làm mục tiêu phấn đấu, đây là nguyên tắc bất di bất dịch, là ngọn cờ đoàn kết và là mẫu số chung để quy tụ các tầng lớp giai cấp, đảng phái, dân tộc và tôn giáo vào trong Mặt trận.

Ba là, phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc do vậy, hoạt động của Mặt trận phải dựa trên nguyên tắc hiệp thương dân chủ. Mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức. Những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung của đất nước, của dân tộc cần được tôn trọng, những gì riêng biệt, không phù hợp sẽ dần được giải quyết bằng lợi ích chung của dân tộc, bằng sự nhận thức ngày càng đúng đắn hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Do vậy, hoạt động của Mặt trận phải theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ mới quy tụ được được các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo vào Mặt trận dân tộc thống nhất.

Bốn là, phải đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết trong Mặt trận phải là lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Trong Mặt trận, các thành viên có những điểm tương đồng nhưng cũng có những điểm khác biệt, nên cần có sự bàn bạc để đi đến nhất trí. Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị”, lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt; đồng thời Người nêu rõ: “Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân”¹ để tạo nên sự đoàn kết gắn bó chặt chẽ, lâu dài tạo tiền đề mở rộng khối đại đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Một là, làm tốt công tác vận động quần chúng (Dân vận)

Hồ Chí Minh coi đoàn kết, đại đoàn kết như một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của Đảng. Để thực hiện mục tiêu đó thì phải làm tốt công tác vận động quần chúng. Theo Người, để phát huy đầy đủ vai trò, trí tuệ, khả năng to lớn của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước cũng như mọi cán bộ, đảng viên phải biết làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ và vận động quần chúng nhân dân thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, và pháp luật của Nhà nước; phải giúp nhân dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người công dân đối với Đảng, với Tổ quốc và với dân tộc, từ đó

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr.362.

họ tích cực, chủ động, tự giác phấn đấu và cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Người dẫn: “cần phải chịu khó tìm đủ cách giải thích cho họ hiểu rằng: những việc đó là vì ích lợi của họ mà phải làm”¹. Theo Hồ Chí Minh mọi phương pháp tiếp cận và vận động quần chúng đều phải phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của quần chúng; đồng thời phải xuất phát từ thực tế trình độ dân trí và văn hoá, theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp, bao gồm cả phong tục, tập quán và cụ thể đối với từng địa phương, từng đối tượng của nhân dân.

Hai là, thành lập đoàn thể, tổ chức quần chúng phù hợp với từng đối tượng để tập hợp quần chúng.

Theo Hồ Chí Minh, để tập hợp quần chúng nhân dân một cách có hiệu quả cần phải hình thành các tổ chức đoàn thể, tổ chức quần chúng phù hợp từng giai cấp, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, giới tính, vùng miền... như các tổ chức: Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... Các tổ chức này có nhiệm vụ giáo dục, động viên và phát huy tính tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ của cách mạng trong từng giai đoạn. Chính vì vậy mà trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, xây dựng và bảo vệ đất nước, các tổ chức, đoàn thể không ngừng lớn mạnh về số lượng, hoạt động ngày càng có hiệu quả, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng, là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân.

Ba là, các đoàn thể, tổ chức quần chúng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

Nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc theo Hồ Chí Minh, các đoàn thể, tổ chức quần chúng phải hợp thành Mặt trận dân tộc thống nhất. Người chỉ rõ: “Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam... Phải đoàn kết tốt các Đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tiến bộ. Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc... Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc”². Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi, càng chặt chẽ, thống nhất bao nhiêu thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng mạnh mẽ, càng bền vững bấy nhiêu. Các đoàn thể, tổ chức quần chúng và Mặt trận dân tộc thống nhất là sợi dây gắn kết Đảng với nhân dân. Người khẳng định: “Những đoàn thể ấy là tổ chức của dân phấn đấu cho dân, bênh vực quyền của dân, liên lạc mật thiết nhân dân với Chính phủ”³. Như vậy, bản chất của đoàn thể nhân dân, các tổ chức quần chúng là tổ chức của dân do đó vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là phải vận động quần chúng bao gồm các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội tham gia vào các tổ chức của mình. Công tác vận động quần chúng phải dựa trên chiến lược: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công!”⁴. Đối với các đoàn thể, tổ chức quần chúng, Hồ Chí Minh cho rằng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất, do vậy đều có sự chỉ đạo trong công tác vận động thu hút, tập hợp quần

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.286.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13, tr.453.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6 tr.397.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13, tr.119.

chúng tham gia sinh hoạt trong tổ chức của mình.

5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế

5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược của cách mạng mà đoàn kết quốc tế cũng là vấn đề lâu dài, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Thực hiện đoàn kết quốc tế là để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại để tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam. Đây là một trong những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế và cũng là một trong những bài học quan trọng nhất mang tính thời sự sâu sắc nhất của cách mạng Việt Nam.

Sức mạnh dân tộc là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực, tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do... Sức mạnh đó đã giúp cho dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thử thách, khó khăn trong dựng nước và giữ nước.

Sức mạnh thời đại là sức mạnh của phong trào cách mạng thế giới và sức mạnh của chủ nghĩa Mác - Lênin được xác lập bởi thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga 1917. Trong quá trình hoạt động cách mạng, nhờ chú ý tổng kết thực tiễn dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã từng bước phát hiện ra sức mạnh vĩ đại tiềm ẩn trong các phong trào cách mạng thế giới mà Việt Nam cần tranh thủ. Các phong trào đó nếu được liên kết, tập hợp trong khối đoàn kết quốc tế sẽ tạo nên sức mạnh to lớn.

Hồ Chí Minh đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới ngay từ khi tìm thấy con đường cứu nước, Người cho rằng, cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công khi thực hiện đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới. Thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; đại đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế. Cùng với quá trình phát triển thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong quan hệ với quốc tế, tư tưởng đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới đã được Hồ Chí Minh phát triển ngày càng đầy đủ, rõ ràng và cụ thể hơn.

Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động chính trị là thời đại đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Chính vì thế mà trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa nếu chỉ có chủ nghĩa yêu nước không thôi thì sẽ không thể đánh bại hệ thống các nước đế quốc. Từ đó Người chỉ ra rằng, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với chủ nghĩa Quốc tế vô sản, đại

đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; thực hiện đoàn kết quốc tế không vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiên bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì các mục tiêu cách mạng của thời đại.

Nhận thức được đặc điểm của thời đại mới, Hồ Chí Minh đã hoạt động không mệt mỏi để phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Trong suốt quá trình đó, Người không chỉ phát huy triệt để sức mạnh chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc mình mà còn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới đấu tranh cho mục tiêu chung hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiên bộ xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, muốn tăng cường đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung, các đảng cộng sản trên thế giới phải tiến hành có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho nhân dân đồng thời phải kiên quyết chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh... - những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại. Bởi lẽ, nhân dân Việt Nam không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của các nước khác, không chỉ bảo vệ lợi ích sống còn của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

Các lực lượng cần đoàn kết

Lực lượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú, song tập trung chủ yếu vào ba lực lượng chính: phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào hoà bình, dân chủ thế giới.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh cho rằng, sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân quốc tế là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Chủ trương đoàn kết giai cấp công nhân quốc tế, đoàn kết giữa các đảng cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ tính tất yếu về vai trò của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay. Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa tư bản là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có sức mạnh của sự đoàn kết nhất trí, sự đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động toàn thế giới theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới có thể chống lại được những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã thấy rõ âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc. Chính vì vậy, Người đã

lưu ý quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm “làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”¹. Thêm vào đó, để tăng cường đoàn kết giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản chính quốc, Hồ Chí Minh còn đề nghị Quốc tế Cộng sản, bằng mọi cách phải “làm cho đội quân tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành thắng lợi cuối cùng”².

Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý, Hồ Chí Minh cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết. Trong xu thế mới của thời đại, sự thức tỉnh dân tộc gắn liền với sự thức tỉnh giai cấp, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hòa bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

Gắn cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc với mục tiêu hòa bình, tự do và công lý, Hồ Chí Minh đã khơi gợi lương tri của những người tiến bộ tạo nên những tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ của các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và từng con người trên hành tinh. Thật hiếm có những cuộc đấu tranh giành được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi và lớn lao như vậy. Đã nhiều lần, Hồ Chí Minh khẳng định: Chính vì đã biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và của các dân tộc bị áp bức, mà Đảng đã vượt qua được mọi khó khăn, đưa giai cấp công nhân và nhân dân ta đến những thắng lợi vẻ vang.

Hình thức tổ chức

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng và củng cố khối đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các trào lưu cách mạng thời đại, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng của Người không phải là vấn đề sách lược, một thủ đoạn chính trị nhất thời mà là vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam. Từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm về thành lập “Mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa”³ chống chủ nghĩa đế quốc, đồng thời kiến nghị Quốc tế Cộng sản cần có giải pháp cụ thể để quan điểm này trở thành sự thật.

Đối với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt. Cả ba dân tộc đều là láng giềng gần gũi của nhau, có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hoá và cùng chung một kẻ thù là thực dân Pháp. Năm 1941, để khơi dậy sức mạnh và quyền tự quyết của mỗi dân tộc, theo đúng quan điểm của Hồ Chí Minh về tập hợp lực lượng cách mạng, Đảng quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh); giúp Lào và Campuchia thành lập mặt trận yêu nước. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.124.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2, tr.124.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, tr.282.

dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương.

Đối với nước láng giềng Trung Quốc và các dân tộc Châu Á, Châu Phi từ những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với việc sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa tại Pháp, Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức tại Trung Quốc. Đây là hình thức sơ khai của mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức theo xu hướng vô sản, lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Với việc tham gia sáng lập các tổ chức này, Hồ Chí Minh đã góp phần đặt cơ sở cho sự ra đời của *Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam*.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, bằng hoạt động ngoại giao không mệt mỏi, Hồ Chí Minh đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của bạn bè quốc tế và nhân loại tiến bộ, trong đó có cả nhân dân yêu chuộng hoà bình Pháp trong kháng chiến chống Pháp và cả nhân dân yêu chuộng hoà bình Mỹ trong kháng chiến chống Mỹ, hình thành *Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược*.

Như vậy, tư tưởng đoàn kết vì thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận đoàn kết Việt Nam - Lào - Campuchia, Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam, Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Đây thực sự là sự phát triển rực rỡ nhất và thắng lợi to lớn nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.

5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình

Đoàn kết quốc tế muốn lâu dài và hiệu quả theo Hồ Chí Minh là phải tìm ra được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và phong trào cách mạng thế giới. Từ rất sớm Hồ Chí Minh đã phát hiện ra sự tương đồng này nhờ đặt cách mạng Việt Nam trong bối cảnh chung của thời đại từ đó biết kết hợp lợi ích của cách mạng Việt Nam với trào lưu cách mạng thế giới và nhận thức về nghĩa vụ của Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Là một chiến sĩ cách mạng quốc tế kiên định, Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong cách mạng thế giới, trước hết là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, lực lượng tiên phong của cách mạng thế giới đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời

đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập, tự do cho các dân tộc khác. Trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của tất cả các dân tộc - quốc gia trên thế giới, đồng thời mong muốn các nước trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc đó.

Thời đại Hồ Chí Minh sống là thời đại của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ trên hầu khắp các châu lục của thế giới. Trong đó, Người không chỉ là nhà tổ chức, người cổ vũ mà còn là người ủng hộ nhiệt thành cuộc đấu tranh của các dân tộc vì các quyền dân tộc cơ bản của họ. Nêu cao tư tưởng độc lập và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng, người cầm cờ và là hiện thân của những khát vọng của nhân dân thế giới trong việc khẳng định cốt cách dân tộc, đồng thời thúc đẩy sự đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngon cờ hòa bình, chống chiến tranh xâm lược. Tư tưởng đó bắt nguồn từ truyền thống hoà hiếu của dân tộc Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và những giá trị nhân văn nhân loại. Trong suốt hai cuộc kháng chiến, quan điểm hòa bình trong công lý, lòng thiết tha hòa bình trong sự tôn trọng độc lập và thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim nhân loại. Nó có tác dụng cảm hoá, lôi kéo các lực lượng tiến bộ thế giới đứng về phía nhân dân Việt Nam đòi chấm dứt chiến tranh. Trên thực tế, đã hình thành một mặt trận nhân dân thế giới, có cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ, đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược, góp phần kết thúc thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ

Đoàn kết quốc tế là để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế nhằm tăng thêm nội lực, tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đã đặt ra. Để đoàn kết tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: “Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”, “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”. Trong đấu tranh giành chính quyền, Người chủ trương “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người chỉ rõ: “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”¹. Trong quan hệ quốc tế, Người nhấn mạnh: phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn...

Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn. Trả lời một phóng viên nước ngoài, Người nói “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi,

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6, tr.522.

không có sự can thiệp ở ngoài vào”¹. Trong quan hệ giữa các Đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: “Các Đảng dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”². Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng giành thắng lợi. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, với đường lối độc lập, tự chủ, kết hợp hài hòa giữa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, Đảng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ của phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam, nhận được sự giúp đỡ vô cùng to lớn của Liên xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay

5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế ngày càng giữ vai trò quan trọng trong quá trình chủ động hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, ngày 2-11-1993, Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa VII đã ra Nghị quyết 07/NQ-TW “Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất”. Nghị quyết này đã phản ánh tập trung nhất sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong sự nghiệp đổi mới. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996), vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc đã được đặt ở một tầm cao mới, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đại hội Đảng lần thứ IX, X, XI tiếp tục bổ sung nhấn mạnh hơn vai trò, tầm quan trọng của đoàn kết dân tộc trong thời đại mới. Đại hội lần thứ XII của Đảng (2016) khẳng định: “Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”³. Để phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, Đại hội XII đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết, giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết dân tộc.

Cùng với việc phát huy tối đa sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, qua

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr.136.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10, tr.235.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.158.

hơn 30 năm đổi mới, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã được Đảng ta vận dụng một cách sáng tạo trong việc hoạch định chủ trương, đường lối. Từ tuyên bố “muốn là bạn” (Đại hội VII), “sẵn sàng là bạn” (Đại hội VIII), “là bạn và đối tác tin cậy” (Đại hội IX) đến Đại hội Đảng lần thứ XII, Đảng ta khẳng định: “Quan hệ đối ngoại hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả. Vì thế, uy tín quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao”¹. Tinh thần đoàn kết quốc tế, huy động tối đa sức mạnh toàn dân tộc kết hợp sức mạnh thời đại để bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Trước đây, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh để chiến thắng giặc ngoại xâm. Hiện nay, sức mạnh ấy phải là sức mạnh để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu. Phải xuất phát từ lợi ích dân tộc mà mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng, phát triển đất nước.

5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng

Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh không có nghĩa là mọi lực lượng đều như nhau mà cần phải xác định được cái gốc, rễ của khối đại đoàn kết ấy. Nhờ xác định đúng đắn nền tảng của khối đại đoàn kết mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biến sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất để đánh bại mọi kẻ thù. Sự ra đời của Mặt trận dân tộc thống nhất với liên minh công - nông - trí chặt chẽ, rộng rãi đã làm cho sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được nhân lên to lớn hơn. Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước”².

Để tiếp tục tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau: *Trước hết, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền để các cấp, ngành, lực lượng nhận thức sâu sắc về sự cần thiết phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay. Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc. Ba là, giải quyết tốt quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và toàn xã hội. Bốn là, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Năm là, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ khối đại*

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.59.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.159.

đoàn kết toàn dân tộc.

5.2.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà càng có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay. Chính vì thế Đảng cộng sản Việt Nam luôn phải nhất quán coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới, tiếp tục đoàn kết ủng hộ các phong trào cách mạng, các xu hướng và trào lưu tiến bộ của thời đại vì các mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, Đảng, Nhà nước ta chủ trương nêu cao nguyên tắc độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ trương phát huy mạnh mẽ sức mạnh dân tộc, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh của người làm chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, trên cơ sở sức mạnh bên trong mà tranh thủ và tận dụng sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của lực lượng bên ngoài.

Trước tình hình quốc tế và trong nước hiện nay biến chuyển nhanh chóng và sâu sắc, đặt ra những điều kiện mới đòi hỏi phải rút ra những bài học trong chiến lược đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh để vận dụng cho phù hợp:

Trước hết, làm rõ đoàn kết để thực hiện mục tiêu cách mạng trong giai đoạn hiện nay là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, xã hội công bằng, văn minh.

Hai là, mở cửa, hội nhập quốc tế, là bạn của tất cả các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, đồng thời phải tham gia những vấn đề toàn cầu hiện nay của quốc tế.

Ba là, phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Bốn là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh làm hạt nhân đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cho ngang tầm nhiệm vụ của dân tộc và của thời đại.

Những quan điểm cơ bản cùng những giá trị thực tiễn của tư tưởng đoàn kết quốc tế Hồ Chí Minh là những bài học quý báu cần được nhận thức và vận dụng sáng tạo cho phù hợp với cách mạng Việt Nam và thế giới tiến bộ trong giai đoạn hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

Câu 1. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc? Trong giai đoạn hiện nay Đảng ta cần phải làm gì để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc?

Câu 2. Tại sao trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giai cấp công nhân, nông dân và trí thức lại giữ vai trò nền tảng? Trong quá trình bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, Việt Nam cần làm gì để phát huy sức mạnh của khối liên minh công- nông và trí thức?

Câu 3. Phân tích những phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh? Phương thức nào giữ vai trò quan trọng nhất? Tại sao?

Câu 4. Tại sao phải thực hiện đoàn kết quốc tế? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm gì để gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới? Nêu ví dụ minh họa?

Câu 5. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam cần phải đoàn kết với các lực lượng quốc tế nào? Trong các lực lượng cần đoàn kết lực lượng nào giữ vai trò quan trọng nhất? Tại sao?

Câu 6. Hãy phân tích những nguyên tắc đoàn kết quốc tế? Trong những nguyên tắc đó, nguyên tắc nào là nguyên tắc cơ bản nhất? Vì sao? Liên hệ việc thực hiện nguyên tắc này trong đoàn kết quốc tế hiện nay của nước ta?

CHƯƠNG 6: **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI**

6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa

6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa

Khái niệm “văn hóa”, tháng 8-1943 khi còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, Hồ Chí Minh đã viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Cùng với định nghĩa về văn hóa, Hồ Chí Minh còn đưa ra năm điểm lớn định hướng cho việc xây dựng nền văn hóa dân tộc:

1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.
2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng
3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.
4. Xây dựng chính trị: dân quyền.
5. Xây dựng kinh tế

Ở đây, văn hóa đã được hiểu theo nghĩa rộng nhất, đó là toàn bộ những giá trị vật chất và những giá trị tinh thần mà loài người sáng tạo ra nhằm đáp ứng lẽ sinh tồn, đồng thời cũng là mục đích cuộc sống của loài người. Muốn xây dựng văn hóa dân tộc thì phải xây dựng tất cả các mặt: Kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, tâm lý con người

Sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh có bàn đến văn hóa nhưng theo nghĩa hẹp. Người xác định: Văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội. Văn hóa được đặt ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội tạo thành bốn vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội.

Như vậy, ngay từ rất sớm Hồ Chí Minh đã quan tâm đến văn hóa, đã thấy rõ vai trò, vị trí của văn hóa trong đời sống xã hội. Điều này cắt nghĩa vì sao ngay sau khi giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã bắt tay vào việc xây dựng, kiến tạo một nền văn hóa mới

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3, tr.458

Quan hệ giữa văn hóa với chính trị. Hồ Chí Minh cho rằng trong đời sống xã hội có bốn vấn đề phải được coi là quan trọng ngang nhau và có sự tác động qua lại lẫn nhau, đó là chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Hồ Chí Minh cho rằng, chính trị có được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng sẽ mở đường cho văn hóa phát triển. Người nói: “dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tòi tàn, không thể phát triển được”. Để văn hóa phát triển tự do phải làm cách mạng chính trị trước. Ở Việt Nam thời thuộc địa, tiến hành cách mạng chính trị thực chất là tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc để giành chính quyền, xóa ách nô lệ, thiết lập nhà nước của dân, do dân, vì dân. Từ đó, giải phóng văn hóa mở đường cho văn hóa phát triển. Tuy vậy, văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong chính trị, tức là văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Trong mối quan hệ với kinh tế, Hồ Chí Minh chỉ rõ kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hóa. Từ đó, người đưa ra luận điểm: Phải chú trọng xây dựng kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, để có điều kiện xây dựng và phát triển văn hóa. Người viết: Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng, nhưng cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và có đủ điều kiện phát triển. Tuy nhiên, văn hóa cũng không thể đứng ngoài mà phải đứng trong kinh tế, nghĩa là văn hóa không hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế, mà có vai trò tác động tích cực trở lại kinh tế. Tóm lại, sự phát triển của chính trị, kinh tế, xã hội, sẽ thúc đẩy văn hóa phát triển; ngược lại, mỗi bước phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội đều có sự khai sáng của văn hóa.

Quan hệ giữa văn hóa với xã hội, giải phóng chính trị đồng nghĩa với giải phóng xã hội, từ đó văn hóa mới có điều kiện phát triển. Xã hội thế nào văn hóa thế ấy. Trong xã hội thực dân phong kiến, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tòi tàn không thể phát triển được. Vì vậy phải làm cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng chính trị, giải phóng xã hội, thì mới giải phóng được văn hóa.

Về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại. Bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị văn hóa bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; là thành quả của quá trình lao động, sản xuất, chiến đấu và giao lưu của con người Việt Nam. Bản sắc văn hóa dân tộc được nhìn nhận qua hai lớp quan hệ. Về nội dung, đó là lòng yêu nước, thương nòi; tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc... Về hình thức, cốt cách văn hóa dân tộc biểu hiện ở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, truyền thống, cách cảm và nghĩ...

Bản sắc văn hóa dân tộc chứa đựng giá trị lớn và có một ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nó phản ánh những nét độc đáo, đặc tính dân tộc. Nó là ngọn nguồn đi tới chủ nghĩa Mác-Lênin. Người nhấn mạnh, “những người cộng sản chúng ta rất quý trọng cổ điển. Có nhiều dòng suối tiến bộ chảy từ những ngọn nguồn cổ điển đó”. Vì vậy, trách nhiệm của con người Việt Nam là phải trân trọng, khai thác, giữ gìn, phát huy, phát triển những giá trị của văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn lịch sử. Theo Người, “dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”; “càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin càng phải coi trọng những truyền thống

tốt đẹp của cha ông”. “Mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật”. Chăm lo cốt cách dân tộc, đồng thời cần triệt để tẩy trừ mọi di hại thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc, tôn trọng phong tục tập quán, văn hóa của các dân tộc ít người.

Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, Theo Hồ Chí Minh, “văn hóa Việt Nam ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại... Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam”. Hồ Chí Minh chú trọng chất lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, xây dựng văn hóa Việt Nam hợp với tinh thần dân chủ, một nhà báo Mỹ viết: “Cụ Hồ không phải là một người dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi, mà cụ là một người yêu mến văn hóa Pháp trong khi chống thực dân Pháp, một con người biết coi trọng những truyền thống cách mạng Mỹ trong khi Mỹ phá hoại đất nước Cụ”¹. Hồ Chí Minh tiếp thu nội dung văn hóa là toàn diện bao gồm Đông, Tây, kim, cổ, tất cả các mặt, các khía cạnh, tiếp thu cái gì hay, cái gì tốt thì học lấy. Mỗi quan hệ giữa giữ gìn cốt cách văn hóa dân tộc và tiếp thu văn hóa nhân loại là phải lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại.

6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

Văn hóa là mục tiêu. Mục tiêu là những giá trị mà con người cần phải hướng tới. Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Như vậy, cùng với chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nằm trong mục tiêu chung của toàn bộ tiến trình cách mạng.

Văn hóa là mục tiêu - nhìn một cách tổng quát là khát vọng của nhân dân về các giá trị chân, thiện, mỹ. Đó là một xã hội mà đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn được quan tâm và không ngừng nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Văn hóa là động lực. Động lực là cái thúc đẩy làm cho phát triển. Tất cả đều quy tụ ở con người và có thể được xem xét dưới góc độ văn hóa. Tuy nhiên, nếu tiếp cận các lĩnh vực văn hóa cụ thể trong tư tưởng Hồ Chí Minh, động lực có thể nhận thức ở các phương chủ yếu diện sau.

Văn hóa chính trị là một trong những động lực có ý nghĩa soi đường cho quốc dân đi, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ.

Văn hóa văn nghệ góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng, sự lạc quan, ý chí, quyết tâm và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Văn hóa giáo dục diệt giặc dốt, xóa mù chữ, giúp con người hiểu biết quy luật phát triển của xã hội.

¹ Trần Văn Giàu (1993), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.331.

Văn hóa đạo đức, lối sống nâng cao phẩm giá, phong cách lành mạnh cho con người, hướng con người tới các giá trị chân, thiện, mỹ.

b. Văn hóa là một mặt trận

Hồ Chí Minh khẳng định văn hóa là một mặt trận, tức khẳng định vai trò, vị trí của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng, coi mặt trận văn hóa cũng có tầm quan trọng như mặt trận quân sự, kinh tế, chính trị.

Hồ Chí Minh coi mặt trận văn hóa như cuộc chiến không lồ giữa chính và tà, giữa cách mạng và phản cách mạng. Cuộc chiến đó rất quyết liệt, rất lâu dài, song cũng rất vẻ vang. Trong cuộc chiến đó người nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí đấu tranh. Trước khi giành lấy chính quyền văn nghệ có nhiệm vụ thức tỉnh quần chúng, tập hợp lực lượng, cổ vũ cho thắng lợi tất yếu của cách mạng. Sau khi có chính quyền, văn nghệ phải tham gia vào công cuộc bảo vệ và xây dựng chế độ mới, xây dựng con người mới. Mặt trận văn nghệ lúc này còn gay go hơn, quyết liệt hơn, bởi thắng để quốc thực dân đã khó, thắng nghèo nàn, lạc hậu còn khó hơn nhiều.

Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang đó, Hồ Chí Minh yêu cầu “chiến sĩ nghệ thuật cần phải có lập trường vững vàng, tư tưởng đúng...Đặt lợi ích của kháng chiến, của tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải ngòi bút là vũ khí sắc bén trong sự nghiệp “phò chính trừ tà”. Phải bám sát cuộc sống thực tiễn, đi sâu vào quần chúng, để phê bình nghiêm khắc những thói xấu như tham ô, lười biếng, lãng phí, quan liêu, và ca tụng chân thật những người tốt việc tốt để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay và giáo dục con cháu đời sau. Đó chính là “chất thép” của văn nghệ theo tinh thần “kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

Mục tiêu của văn hóa là phục vụ quần chúng. Do vậy, mọi hoạt động văn hóa phải trở về với cuộc sống thực tại của quần chúng, phản ánh được tư tưởng và khát vọng của quần chúng.

Tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III (ngày 1-12-1962) Hồ Chí Minh nói với văn nghệ sĩ: “Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta”. Tác phẩm xứng đáng với thời đại phải là những tác phẩm vừa hay, vừa chân thật. Người nói: “quần chúng mong muốn những tác phẩm có nội dung chân thật và phong phú, có hình thức sáng tạo và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì bỏ ích”. Đó là một tác phẩm hay. Một tác phẩm hay là tác phẩm diễn đạt vừa đủ điều muốn nói, ai đọc cũng hiểu được và khi đọc xong phải suy ngẫm. Tác phẩm đó phải kế thừa tinh hoa văn hóa dân tộc, mang hơi thở của thời đại, phản ánh chân thật những gì đã có trong đời sống, vừa phê phán cái dở, cái xấu, cái sai, hướng nhân dân đến cái chân, cái thiện, cái mỹ. Muốn như vậy, phải trả lời được các câu hỏi: Viết cho ai? Mục đích viết? Lấy tài liệu đâu mà viết? Cách viết như thế nào? Viết phải thiết thực, tránh cái lối viết rau muống mà ham dùng chữ. Nói cũng vậy. Nói ít, nhưng nói cho thấm thía, nói cho chắc chắn, thì quần chúng thích hơn. Tóm lại “từ trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng”. Trên cơ sở đó để định hướng giá trị cho quần chúng. Chiến

sĩ văn hóa phải hiểu và đánh giá đúng quần chúng. Quần chúng là những người sáng tác rất hay. Họ cũng cung cấp cho những nhà hoạt động văn hóa những tư liệu quý. Và chính họ là những người thẩm định khách quan, trung thực, chính xác các sản phẩm văn nghệ.

6.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tháng 8-1945, cùng với việc đưa ra quan niệm về ý nghĩa của văn hóa, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc xây dựng nền văn hóa dân tộc với năm nội dung. Xây dựng tâm lý: Tinh thần độc lập tự cường. Xây dựng luân lý: Biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng. Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân. Xây dựng chính trị: dân quyền. Xây dựng kinh tế.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Khi cả dân tộc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ, Hồ Chí Minh khẳng định lại quan điểm của Đảng ta từ năm 1943 trong Đề cương văn hóa Việt Nam về phương châm xây dựng nền văn hóa mới. Đó là một nền văn hóa có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ nhân dân miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.

Tóm lại, quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, đó là một nền văn hóa toàn diện, giữ gìn được cốt cách văn hóa dân tộc, bảo đảm tính khoa học, tiến bộ và nhân văn.

6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

6.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

a. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

Đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng

Chủ tịch Hồ Chí Minh *coi đạo đức là nguồn nuôi dưỡng, phát triển con người*. Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định đạo đức là gốc, là *nền tảng*, là *sức mạnh*, là *tiêu chuẩn hàng đầu* của người cách mạng. Đạo đức là nền tảng của người cách mạng, cũng giống như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”. Người so sánh: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”¹.

Cán bộ không chỉ viết lên trán chữ “cộng sản” là được nhân dân yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. “Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 601.

có đạo đức, không có căn bản, tự mình hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”¹

Đạo đức trở thành nhân tố quyết định của sự thành bại của mọi công việc, phẩm chất mỗi con người. Trong bài *Người cán bộ cách mạng* (1955), Hồ Chí Minh yêu cầu “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng... Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng hay là không”². Bởi vì, có đạo đức cách mạng trong sáng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang. Hồ Chí Minh đã nói, “Có đạo đức cách mạng thì gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước., khi gặp thuận lợi và thành công vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn.”³.

Đạo đức thể hiện trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế. Người nói: “Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất”⁴.

Đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực thống nhất là một. Đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên, phẩm chất là gốc của năng lực. Tài là thể hiện cụ thể của đức trong hành động. “Người có đức mà không có tài thì chẳng khác gì ông bụt ngồi trong chùa, không làm hại ai, nhưng chẳng có ích gì. Ngược lại, nếu có tài mà không có đức, thì cũng chẳng khác gì một anh làm kinh doanh giỏi, đem lại nhiều lãi, nhưng lãng phí, tham ô, ăn cắp của công, thì như vậy chỉ có hại cho dân cho nước, còn sự nghiệp của bản thân thì sớm muộn cũng đổ vỡ”

Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

Theo Hồ Chí Minh, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội chưa phải là lý tưởng cao xa, ở mức sống vật chất dồi dào, mà là ở tư tưởng được tự do, giải phóng, những giá trị đạo đức cao đẹp, ở phẩm chất của những người cộng sản ưu tú, bằng tấm gương sống và hành động của mình và chiến đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa thành hiện thực.

Vai trò của đạo đức thể hiện ngay ở tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới, là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần quan trọng đối với nhân dân ta và nhân loại tiến bộ đoàn kết đấu tranh vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

6.2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

a. Trung với nước, hiếu với dân

Đây là chuẩn mực có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của người cách mạng bởi ở mỗi con người có nhiều mối quan hệ khác nhau nhưng quan hệ với dân với

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr. 292-293.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.9, tr. 351.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 601, 603.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13, tr. 68.

nước có ý nghĩa vô cùng quan trọng, là tâm điểm khi xem xét đạo đức của con người, của mỗi chiến sĩ cách mạng.

Trung và hiếu là những khái niệm đạo đức cũ đã có từ lâu trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông, phản ánh mối quan hệ lớn nhất và cũng là phẩm chất bao trùm nhất: “Trung với vua, hiếu với cha mẹ”. Hồ Chí Minh đã mượn khái niệm trung hiếu trong tư tưởng đạo đức truyền thống dân tộc và đưa vào đó một nội dung mới, rộng lớn: “Trung với nước, hiếu với dân”, tạo nên một cuộc cách mạng trong quan niệm về đạo đức. Người nói: “Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngừng lên trời”¹. Đầu năm 1946, Người đã nói: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào”².

Trước đây là “Trung với vua, hiếu với cha mẹ”, là trung quân, trung thành với vua; trung thành với vua cũng có nghĩa là trung thành với nước, vì vua với nước là một, vua là nước, nước là nước của vua. Còn “hiếu” thì chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình, là con thì phải hiếu thảo với cha mẹ. Tư tưởng “trung với nước, hiếu với dân” của Hồ Chí Minh không những kế thừa giá trị yêu nước truyền thống của dân tộc, mà còn vượt qua những hạn chế của truyền thống đó. Hồ Chí Minh cho rằng, trung với nước phải gắn liền hiếu với dân. Vì nước là của dân, còn dân lại là chủ của nước. “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân”. “Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”. “Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”³. Đảng và Chính phủ là “đầy tớ nhân dân” chứ không phải “quan nhân dân để đè đầu cưỡi cổ nhân dân”.

Nội dung mới của Trung và hiếu theo Hồ Chí Minh là: *Trung với nước*, là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, là suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng. *Hiếu với dân*, là phải thương dân, tin dân, phục vụ nhân dân hết lòng. Để làm được như vậy, phải gần dân, kính trọng và học tập nhân dân. Phải dựa vào dân và lấy dân làm gốc. Đối với cán bộ lãnh đạo Hồ Chí Minh yêu cầu phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, thường xuyên quan tâm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí.

b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Đây là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hàng ngày của mỗi người. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, “bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ thực hiện mà lại bắt nhân dân tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân”⁴. Với ý nghĩa như vậy, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cũng là một biểu hiện cụ thể của phẩm chất “trung với nước, hiếu với dân”.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr. 220.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr. 170.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6, tr. 232.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr. 220.

Cần tức là siêng năng, chăm chỉ, lao động có kế hoạch, có hiệu quả, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng.

Kiệm là tiết kiệm thời gian, công sức, của cải, tiền của của dân, của nước, của bản thân mình; Không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương hình thức, không liên hoan chè chén lu bù.

Liêm là liêm khiết, trong sạch, không tham lam, luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân. Không tham địa vị, tiền tài, danh vọng.

Chính là thẳng thắn, đứng đắn. Hồ Chí Minh đưa ra một số yêu cầu:

Đối với mình – không được tự cao, tự đại, phải khiêm tốn học hỏi, phát triển cái hay, sửa đổi cái dở của mình.

Đối với người – không nịnh người trên, không khinh người dưới, thật thà, không dối trá.

Đối với việc – phải để công việc lên trên, lên trước, việc thiện nhỏ mấy cũng làm, việc ác nhỏ mấy cũng tránh.

Theo Hồ Chí Minh cần, kiệm, liêm là gốc rễ của chính. Cần, kiệm, liêm, chính là tứ đức của con người là thước đo văn minh, tiến bộ của dân tộc

Hồ Chí Minh đã khẳng định:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính
Thiếu một mùa thì không thành trời
Thiếu một phương thì không thành đất
Thiếu một đức thì không thành người”.

Hồ Chí Minh cho rằng, các đức tính cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau, ai cũng phải thực hiện, song cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm kiểu mẫu cho dân. Người thường nhắc nhở cán bộ, công chức, những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hạn. Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân.

Chí công vô tư, về thực chất là nối tiếp cần, kiệm, liêm, chính. Nhưng nó cũng có nội hàm riêng:

Chí công vô tư, là công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị; làm việc gì cũng không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì Đảng, vì dân tộc, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Chí công vô tư là nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân. Người nói: “Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc”. “Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”.

Hồ Chí Minh cũng lưu ý phải phân biệt đâu là chủ nghĩa cá nhân và đâu là lợi ích cá nhân con người. Hồ Chí Minh chủ trương xóa bỏ chủ nghĩa cá nhân

nhưng không bao giờ chủ trương xóa bỏ lợi ích cá nhân chính đáng của con người. Người nói: “ mỗi người có hoàn cảnh riêng, sở trường riêng, lợi ích riêng, nếu điều đó không ảnh hưởng, đi ngược lại lợi ích tập thể thì cái riêng đó cần được khuyến khích...chỉ có trong chế độ mới xã hội chủ nghĩa, mới có điều kiện để thỏa mãn lợi ích riêng của mỗi người. Chống chủ nghĩa cá nhân không phải là dày xéo lên lợi ích cá nhân con người.”

c. Thương yêu con người, sống có tình nghĩa

Yêu thương con người được Hồ Chí Minh xác định là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Người nói, người cách mạng là người giàu tình cảm, có tình cảm cách mạng mới đi làm cách mạng. Vì yêu thương nhân dân, yêu thương con người mà chấp nhận mọi gian khổ hy sinh để đem lại độc lập, tự do, cơm no áo ấm và hạnh phúc cho con người.

Tình yêu thương con người, là tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị mất quyền, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da, dân tộc. Người cho rằng, nếu không có tình yêu thương như vậy thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tình thương yêu con người theo Hồ Chí Minh phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, thể hiện trong mối quan hệ hằng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em, phải được thể hiện ở hành động cụ thể thiết thực. Nó đòi hỏi mỗi người phải chặt chẽ và nghiêm khắc với mình; rộng rãi, độ lượng và giàu lòng vị tha đối với người khác; phải có thái độ tôn trọng những quyền của con người, tạo điều kiện cho con người phát huy tài năng; nâng con người lên. Tình thương yêu con người còn thể hiện đối với những người có sai lầm, khuyết điểm biết sửa chữa, đối với người lầm đường lạc lối đã hối cải. Người dạy: “Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được”. Trong *Di chúc* Người viết: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”.

d. Tinh thần quốc tế trong sáng

Chủ nghĩa quốc tế là một trong những phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Điều này được bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn vượt ra khỏi quốc gia dân tộc.

Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ trên toàn cầu, chống lại mọi sự chia rẽ, hằn thù, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc, chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập và chủ nghĩa bành trướng bá quyền... Hồ Chí Minh chủ trương giúp bạn là tự giúp mình.

Đoàn kết quốc tế là nhằm thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, là hợp tác và hữu nghị theo tinh thần: “ Quan sơn muôn dặm một nhà, bốn phương vô sản đều là anh em”. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã dày công xây đắp tình

đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Đã tạo ra một kiểu quan hệ quốc tế mới: đối thoại thay cho đối đầu, nhằm kiến tạo một nền văn hóa hòa bình cho nhân loại, đó là di sản thời đại vô giá của Người về hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển giữa các dân tộc.

6.2.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

Nói đi đôi với làm, là một trong những đặc điểm và nét đẹp của truyền thống văn hóa, truyền thống đạo đức phương Đông. Hồ Chí Minh coi đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới.

Hồ Chí Minh là tấm gương trong sáng tuyệt vời về lời nói đi đôi với việc làm. “Nói đi đôi với làm” là đặc trưng bản chất của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Nói đi đôi với làm đối lập hoàn toàn với thói đạo đức giả, nói một đằng làm một nẻo, thậm chí nói mà không làm.

Nêu gương về đạo đức là một nét đẹp của truyền thống văn hóa phương Đông. Nói đi đôi với làm phải gắn liền với nêu gương về đạo đức. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Với ý nghĩa đó, Hồ Chí Minh đã đào tạo các thế hệ cán bộ cách mạng Việt Nam không chỉ bằng lý luận cách mạng tiên phong mà còn bằng chính tấm gương đạo đức cao cả của mình.

Hồ Chí Minh cho rằng, hơn bất cứ một lĩnh vực nào khác, trong việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải đặc biệt chú trọng “đạo làm gương”. Người nói: “Lấy gương người tốt, việc tốt hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”. Đối với cán bộ, đảng viên, Người nêu luận điểm quan trọng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”¹. Muốn làm được như vậy, phải chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình “người tốt, việc tốt” rất gần gũi trong đời thường, trong các lĩnh vực lao động, sản xuất, chiến đấu, học tập...bởi vì, theo Người: “Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông, thành biển cả”². Không nhận thức được điều này là “chỉ thấy ngọn mà quên mất gốc”. Người nói: “Người tốt, việc tốt” nhiều lắm. Ở đâu cũng có. Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có”³.

b. Xây đi đôi với chống

Để đào tạo nên những con người hoàn thiện về tài, đức, phục vụ cho sự nghiệp cách mạng, theo Hồ Chí Minh cần quán triệt nguyên tắc xây phải đi đôi với chống. *xây* tức là xây dựng các giá trị, các chuẩn mực về đạo đức mới; *chống* là chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.6, tr. 601.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 663.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 663.

Để xây dựng một nền đạo đức mới, cần phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Trong đời sống hằng ngày, những hiện tượng tốt - xấu, đúng - sai, cái đạo đức và cái vô đạo đức thường đan xen nhau, đối chọi nhau thông qua hành vi của những con người khác nhau, thậm chí trong mỗi con người. “Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay”¹. Chính vì vậy, việc xây và chống trong lĩnh vực đạo đức rõ ràng không đơn giản. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây.

Xây dựng đạo đức mới, đạo đức cách mạng trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới. Việc giáo dục đạo đức mới phải được tiến hành phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, phù hợp với từng lứa tuổi, ngành nghề, giai cấp, tầng lớp và trong từng môi trường khác nhau; phải khơi dậy được ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người. Hồ Chí Minh cho rằng, “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng”².

Xây phải đi đôi với chống, với việc loại bỏ cái sai, cái xấu, cái vô đạo đức trong đời sống hằng ngày. Hồ Chí Minh cho rằng, trên con đường đi tới tiến bộ và cách mạng, đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng thành công trên cơ sở kiên trì mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, chống những thói quen và tập tục lạc hậu, phải loại trừ chủ nghĩa cá nhân. Đây thực sự là “một cuộc chiến đấu khổng lồ” giữa tiến bộ và lạc hậu, giữa cách mạng và phản cách mạng. Để giành được thắng lợi trong cuộc chiến này, điều quan trọng là phải phát hiện sớm, phải tuyên truyền, vận động hình thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sạch về đạo đức.

c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời

Vì sao phải tu dưỡng đạo đức suốt đời? Vì theo Hồ Chí Minh đã là con người ái cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ tốt, chỗ xấu, ai cũng có cái thiện, cái ác... Do đó, muốn xây dựng một nền đạo đức mới bản thân mỗi cá nhân phải không ngừng tu dưỡng đạo đức để loại bỏ những cái xấu, cái ác, phát huy những cái hay, cái tiến bộ.

Tu dưỡng đạo đức như một cuộc cách mạng trường kỳ, gian khổ vì đó là một cuộc cách mạng trong bản thân của mỗi người. Bồi dưỡng tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, đoạn tuyệt với con người cũ để trở thành con người mới không phải là một việc dễ dàng.

Mỗi người phải nhìn thẳng vào mình, kiên trì rèn luyện liên tục, tu dưỡng suốt đời như công việc rửa mặt hàng ngày. Hồ Chí Minh nói: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”³. Từ rất sớm, Người đã lưu ý: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.5, tr. 314.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 672.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 612.

vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹.

6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

6.3.1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người

Theo Hồ Chí Minh, con người là một chỉnh thể, thống nhất về trí lực, tâm lực, thể lực và thẩm mỹ. Con người luôn có xu hướng vươn lên cái Chân – Thiện – Mỹ dù “có thể này, thể khác”.

Hồ Chí Minh đề cập con người trong tính đa dạng: đa dạng trong quan hệ xã hội (dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đồng chí, đồng bào); đa dạng trong tính cách, khát vọng, phẩm chất, khả năng, cũng như năm ngón tay có ngón tay dài ngắn khác nhau nhưng đều hợp lại nơi bàn tay, mấy mươi triệu người Việt Nam, có người thể này, thể khác, nhưng đều là nòi giống Lạc Hồng; đa dạng trong hoàn cảnh xuất thân, điều kiện sống, làm việc.

Hồ Chí Minh cho rằng con người có sự thống nhất giữa hai mặt: mặt sinh học và mặt xã hội. Do đó, Hồ Chí Minh xem xét con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: thiện – ác, hay – dở, tốt – xấu, ...

Khái niệm con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh “chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bè bạn; nghĩa rộng là đồng bào cả nước; rộng hơn nữa là cả loài người”. Với nghĩa đó, khái niệm con người đã mang trong nó bản chất xã hội, phản ánh các quan hệ xã hội. Khi bàn về vấn đề con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh không có con người trừu tượng, mà chỉ có con người cụ thể.

6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

Con người là mục tiêu của cách mạng: Đó là tư tưởng xuyên suốt và nhất quán trong di sản lý luận của Hồ Chí Minh. Khẳng định quyền con người là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm, quyền sống, quyền tự do, quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc, giải phóng xã hội giải phóng con người, thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đó chính là mục tiêu mà cách mạng phải hướng tới.

Mục tiêu này được cụ thể hóa trong cuộc cách mạng nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Giải phóng dân tộc là xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giành lại độc lập cho dân tộc. *Giải phóng giai cấp* là xóa bỏ sự áp bức, bóc lột của giai cấp này đối với giai cấp khác; xóa bỏ sự bất công, bất bình đẳng xã hội; xóa bỏ nền tảng kinh tế - xã hội đẻ ra sự bóc lột giai cấp; dần dần thủ tiêu sự khác biệt giai cấp xác lập một xã hội không có giai cấp, không có chế độ người bóc lột người, tức tiến tới giải phóng xã hội, xây dựng một xã hội có nền sản xuất phát triển cao và bền vững, văn hóa tiên tiến, mọi người là chủ và làm chủ xã hội, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, một xã hội văn minh, tiến bộ. Từ đây, *Giải phóng con người* là xóa bỏ tình trạng áp bức, bóc lột, nô dịch con người; xóa bỏ các điều kiện xã hội làm tha hóa con người, làm cho mọi người được hưởng tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát huy năng sáng tạo, làm chủ xã hội, làm chủ tự nhiên và làm chủ

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.15, tr. 672.

bản thân, phát triển toàn diện theo đúng bản chất tốt đẹp của con người.

Sự nghiệp giải phóng này cần kết hợp chặt chẽ với nhau, thực hiện nối tiếp nhau để thực hiện thành công mục tiêu cách mạng là giải phóng dân tộc mở đường giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Xác định mục tiêu cách mạng là mang lại tự do, hạnh phúc cho con người, tuy nhiên sự nghiệp giải phóng này là do chính con người thực hiện.

Với tư cách mục tiêu cách mạng, mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng đều phải vì dân, vì lợi ích của dân. Bao nhiêu lợi ích cũng vì dân.

Con người là động lực của cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, con người là vốn quý nhất, động lực, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Con người không thụ động hưởng thành quả cách mạng mà là chủ nhân của quá trình phát triển, chủ nhân của cách mạng. Người nhấn mạnh “mọi việc đều do người làm ra”; “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân. “Đễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Nhân dân là những người sáng tạo chân chính ra lịch sử thông qua các hoạt động thực tiễn cơ bản như lao động sản xuất, đấu tranh chính trị - xã hội,... Sự nghiệp kháng kiến quốc là sự nghiệp của dân, công cuộc đổi mới xây dựng là trách nhiệm của dân. Muốn giành thắng lợi Đảng phải giáo dục toàn dân, tổ chức và tập hợp toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của nhân dân, tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân.

6.3.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng con người

Xây dựng con người là chiến lược hàng đầu của cách mạng.

Hồ Chí Minh xem “Trồng người” là yêu cầu khách quan, một chiến lược, là nhiệm vụ trọng đại. Trên cơ sở khẳng định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, rèn luyện con người.

“Vì lợi ích trăm năm thì phải “trồng người”. “Trồng người” là công việc lâu dài, gian khổ, vừa vì lợi ích trước mắt vừa vì lợi ích lâu dài, là công việc của văn hóa giáo dục. “Trồng người” phải được tiến hành thường xuyên trong suốt tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội và phải đạt được những kết quả cụ thể trong từng giai đoạn cách mạng. Nhiệm vụ “trồng người” phải được tiến hành song song với nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. “Trồng người” phải được tiến hành bền bỉ, thường xuyên trong suốt cuộc đời mỗi người, với ý nghĩa vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của cá nhân đối với sự nghiệp xây dựng đất nước. Công việc “trồng người” là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị-xã hội kết hợp với tính tích cực, chủ động của từng người.

“Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa”. Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra những con người xã hội chủ nghĩa, con người xã hội chủ nghĩa là động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không phải chờ cho kinh tế, văn hóa phát triển cao rồi mới xây dựng con người xã hội chủ

nghĩa; cũng không phải xây dựng xong những con người xã hội chủ nghĩa rồi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa được đặt ra ngay từ đầu và phải được quan tâm trong suốt tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội “Trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa” cần được hiểu trước hết cần có những con người với những nét tiêu biểu của xã hội xã hội chủ nghĩa. Đó là những con người trong thời đại mới, đòi hỏi phải có học thức, chiếm lĩnh đỉnh cao của khoa học kỹ thuật. Xây dựng con người mới phải toàn diện vừa “hồng” vừa “chuyên”. Đó là những con người có mục đích và lối sống cao đẹp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có chính kiến; có ý thức làm chủ, tự lực, tự cường, gần quyền lợi và nghĩa vụ; luôn phấn đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có niềm tin và lạc quan cách mạng; có trí tuệ, trình độ học vấn cao, ngày càng tiến bộ; có sức khỏe; có lòng khoan dung, độ lượng.

Theo Hồ Chí Minh giáo dục là biện pháp quan trọng nhất để “trồng người”, xây dựng con người vừa có cá tính vừa có thể phát triển mọi mặt phải có nhiều biện pháp.

Cần hiểu mối quan hệ giữa “tính người” và giáo dục. Tính người vốn thiện và ác, và đây là phạm trù được Nho giáo quan tâm. Hồ Chí Minh cho rằng “tính người” do giáo dục và nó gắn liền với hoạt động thực tiễn của con người. Người nói “Óc của trẻ trong sạch như tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ. Vì vậy sự học tập ở trong trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên”.

Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, thể, trí, mỹ, phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. Đức và tài thống nhất nhau, trong đó đức là gốc, là nền tảng phát triển, “Học để làm người”.

6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Thực tiễn 30 năm đổi mới đất nước, Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực văn hóa, đạo đức, con người tạo động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Đại hội XII chỉ ra: “So với những thành quả trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành quả trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ tầm mức để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại”¹. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Việc xây dựng hệ giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức lối sống, con người có mặt xuống cấp đáng lo ngại. Môi trường văn hóa còn tồn tại những biểu hiện thiếu lành mạnh, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đạt hiệu quả chưa cao. ngoại lai, trái với thuần phong, mỹ tục; tệ nạn xã hội và một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng. Do đó, phải chú trọng hơn nữa việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn hiện nay.

6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (1998) nêu những quan điểm chỉ đạo cơ bản: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí giữ vai trò quan trọng; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng.

Trên tinh thần của nghị quyết, chúng ta cần nhận thức đúng đắn, sâu sắc và đầy đủ hơn nữa về văn hóa và vị trí vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Cần nhận thức bản chất của văn hóa là gắn với con người, phản ánh những tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách, tâm hồn, cách ứng xử của con người. Phát triển nền văn hóa toàn diện, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển đất nước.

Đồng thời cũng cần nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, xã hội. Phát huy nguồn lực con người với tư cách là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể của sự phát triển. Tạo mọi điều kiện để con người phát huy năng lực sáng tạo của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về xây dựng con người Việt Nam, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (7-1998) xác định xây dựng con người Việt Nam với những giá trị chung. Đó là, con người có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên, có tinh thần đoàn kết cùng nhân dân trong nước và thế giới đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung, có tinh thần lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp cao, có tính sáng tạo, tạo ra năng suất lao động cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội. Thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm phát triển toàn diện bản thân.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định “con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9-6-2014) và *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1-2016)* nêu phương hướng: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền

vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹.

6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng

Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của một vĩ nhân, nhà hiền triết, một lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người cộng sản ưu tú; đồng thời, cũng là tấm gương đạo đức của một người chân chính, bình thường, gần gũi mà bất kỳ ai cũng có thể học theo và làm theo để trở thành một người cách mạng, người công dân tốt. Hồ Chí Minh cho rằng, đối với các dân tộc phương Đông giàu tình cảm, trọng đạo lý, việc tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân, mỗi con người có vai trò vô cùng quan trọng. Riêng với thế hệ trẻ, việc tu dưỡng này càng quan trọng hơn, vì họ là “người chủ tương lai của nước nhà”, là cái cầu nối các thế hệ. Vì vậy, việc giáo dục đạo đức và chăm lo rèn luyện đạo đức cho sinh viên đã được Hồ Chí Minh quan tâm từ rất sớm. Nói về sinh viên, Người yêu cầu: “Thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức vì như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì có ích lợi cho xã hội mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì nhưng cũng không lợi gì cho loài người”².

Người còn chỉ rõ, việc thực hành tốt đạo đức cách mạng trong đời sống hằng ngày của mỗi cá nhân không chỉ có tác dụng tôn vinh, nâng cao giá trị chính họ mà còn tạo sức mạnh nội sinh, giúp họ vượt qua khó khăn, thử thách. Người viết “Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ được tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ, không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa”³.

Học tập và làm theo đạo đức Hồ Chí Minh là đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế để trở thành người công dân tốt, xứng đáng là người làm chủ đất nước phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Học tập đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh là phải trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng. Ngay từ thuở thiếu thời, Hồ Chí Minh đã lựa chọn một cách rõ ràng và dứt khoát mục tiêu hiến dâng cả cuộc đời mình cho cách mạng. Người đã chấp nhận mọi sự hy sinh, luôn kiên định, dũng cảm và sáng suốt để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, “thắng không kiêu, bại không nản”, “giàu sang thì không quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy lực không thể khuất phục”¹ nhằm thực hiện bằng được mục tiêu đó. Người nói: “Bài học chính trong đời tôi là tuyệt đối và hoàn toàn cống hiến đời mình cho sự nghiệp giải phóng và thống nhất Tổ quốc, giải phóng giai cấp công nhân và dân tộc bị áp bức, cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, cho sự hợp tác anh em và hoà bình giữa các dân tộc”; “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.126.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 399.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.11, tr. 603.

chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”¹. Đến lúc phải xa rời thế giới này, điều luyện tiết duy nhất của Người là “không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”.

Tấm gương vì nước, vì dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người của Hồ Chí Minh đã được nhân dân thế giới và bạn bè quốc tế thừa nhận và kính phục. Họ đã dùng những lời lẽ đẹp đẽ và trang trọng nhất để ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nhà cách mạng triệt để”, “nhà hoạt động quốc tế thần thoại”, “một nhân vật nổi bật nhất trong thời đại của chúng ta”². Chủ tịch Phiden Caxtorô (Cu Ba) đã viết: “Cuộc đời của Người là một tấm gương sáng chói những phẩm chất cách mạng và nhân đạo cao cả nhất. Hiếm có một nhà lãnh đạo nào trong những giờ phút thử thách lại tỏ ra sáng suốt, bình tĩnh, gan dạ, quên mình, kiên nghị và dũng cảm một cách phi thường như vậy. Hồ Chí Minh thuộc lớp những người đặc biệt mà cái chết là mầm mống của sự sống và là nguồn cổ vũ đời đời bất diệt”³.

Học tập đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh là phải tu dưỡng, rèn luyện theo tám gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đức khiêm tốn, trung thực. Hồ Chí Minh thường dạy cán bộ, đảng viên phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, ít lòng ham muốn vật chất, đó là tư cách người cán bộ cách mạng, và tự mình Người đã gương mẫu thực hiện. Suốt đời Người sống trong sạch thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, luôn vì nước, vì dân, vì con người, không gợn chút riêng tư. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết: “Hồ Chủ tịch không có cái gì riêng. Cái gì của nước, của dân là của Người. Quyền lợi tối cao của nước, lợi ích hàng ngày của dân là sự lo lắng đêm ngày của Người. Gia đình của Người là đại gia đình Việt Nam”⁴.

Là lãnh tụ cách mạng, Hồ Chí Minh luôn coi khinh mọi sự xa hoa, không ưa chuộng những nghi thức trang trọng cầu kỳ, suốt đời giữ một nếp sống thanh bạch tao nhã, giản dị để mưu cầu hạnh phúc cho dân. Nói về những đức tính vĩ đại của Hồ Chí Minh, X. Agiendê - vị Tổng thống anh hùng của nước Cộng hòa Chile đã khái quát: “Nếu như muốn tìm một sự tiêu biểu cho tất cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì đó là đức tính vô cùng giản dị và sự khiêm tốn phi thường”⁵.

Học tập đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người

Hồ Chí Minh có tình thương yêu bao la đối với con người nó gắn liền với niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh và trí tuệ của nhân dân. Người dạy cán bộ, đảng viên việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh; phải gần dân, hiểu dân, học dân, kính trọng nhân dân; hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr. 407

² *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, 2004, tr.36.

³ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh*, Nxb Thanh niên, 2004, tr.6, 7.

⁴ Đinh Xuân Dũng (Chủ biên, 2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.45

⁵ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb, Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 378

Với tình thương yêu bao la, Hồ Chí Minh giành cho tất cả, chia sẻ với mọi người những nỗi đau riêng. Người nói, trong: “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”¹. Cách mạng Tháng Tám thành công cũng là lúc Việt Nam vừa trải qua nạn đói khủng khiếp, Hồ Chí Minh chủ trương tăng gia sản xuất, mỗi tháng mỗi người nhịn ăn ba bữa để góp gạo cứu đói và Người cũng đóng góp lon gạo của mình như mọi người dân.

Lòng nhân ái, khoan dung, nhân hậu của Hồ Chí Minh bắt nguồn từ đại nghĩa của dân tộc, nên có sức mạnh và cảm hóa to lớn trong việc xây dựng và tái tạo lương tri. Ở Hồ Chí Minh, thương người là một tình cảm lớn. Cho nên, khi làm cách mạng, Hồ Chí Minh đặt vấn đề tự do và hạnh phúc đi đôi. Đó chính là biểu hiện chủ nghĩa nhân văn cộng sản vừa thánh thiện, vừa gần gũi, đã làm xúc động trái tim nhân loại và Người được suy tôn như “một ông thánh cộng sản”; “một con người của huyền thoại”. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng bình luận: Lòng nhân đạo, tình thương đồng bào, đó là điều sâu sắc nhất, tốt đẹp nhất trong con người Hồ Chủ tịch.

Học tập tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống

Cuộc đời cách mạng Hồ Chí Minh là một chuỗi năm tháng vô cùng gian khổ. Hai lần ngồi tù, một lần đã nhận án tử hình, có giai đoạn hoạt động rất sôi nổi, được đánh giá rất cao, có giai đoạn bị hiểu nhầm, nghi kỵ, không giao nhiệm vụ....Song nhờ ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, Hồ Chí Minh đã bình tĩnh, kiên cường, chủ động vượt qua mọi thử thách gian nguy, kiên trì mục đích cuộc sống, bảo vệ chân lý, giữ vững quan điểm cách mạng của mình. Người đã làm thơ để tự răn: “Muốn lên sự nghiệp lớn, tinh thần càng phải cao”.

Dũng cảm, quyết tâm, bền bỉ, bất khuất là những đặc trưng trong nhân cách Hồ Chí Minh. Một tờ báo nước ngoài viết: “Đằng sau cái cốt cách dịu dàng của Cụ Hồ là một ý chí sắt thép. Dưới cái bề ngoài giản dị là một tinh thần quật khởi anh hùng không có gì uy hiếp nổi”¹.

Trong tình hình hiện nay, để phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh của sinh viên có hiệu quả, đòi hỏi phải có sự kết hợp của nhiều nhân tố. Sự giáo dục và việc tự tu dưỡng, rèn luyện của sinh viên, sự nêu gương của mọi người trong xã hội, gia đình, của cán bộ, đảng viên, của các thầy, cô giáo, các cán bộ quản lý giáo dục và sự hướng dẫn của dư luận xã hội và pháp luật. Nếu coi thường một trong những nhân tố trên, việc học tập và rèn luyện sẽ khó đạt được kết quả như mong muốn.

¹ Trần Văn Giàu (1990), *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.228.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

1. Trình bày khái niệm văn hóa, vai trò của văn hóa và một số lĩnh vực của văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhận thức bản thân về vấn đề văn hóa hiện nay?
2. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng. Liên hệ sự nghiệp đổi mới hiện nay ở Việt Nam?
3. Phân tích những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Liên hệ việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay sinh viên cần phải làm gì?
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới? Ý nghĩa của tư tưởng đó trong xây dựng con người mới ở nước ta hiện nay?